



NATIONAL
GEOGRAPHIC
LEARNING

TÀI LIỆU TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA MÔN **CÔNG NGHỆ**

9

Năm 2024



TÀI LIỆU TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA MÔN **CÔNG NGHỆ**

9

HÀ NỘI – 2024

MỤC LỤC

Phần 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

- I. Giới thiệu chung về Chương trình môn Công nghệ trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 5
- II. Giới thiệu chung về sách giáo khoa môn Công nghệ 9..... 13
- III. Hệ thống sách, tài liệu bổ trợ, thiết bị dạy học và học liệu của sách giáo khoa Công nghệ 9 24

Phần 2. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN CÔNG NGHỆ 9

- I. Phương pháp dạy học 26
- II. Xây dựng kế hoạch dạy học 28
- III. Xây dựng kế hoạch bài dạy 31

Phần 3. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

- I. Định hướng đánh giá kết quả học tập 56
- II. Xây dựng đề kiểm tra định kì 58



GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN CÔNG NGHỆ TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

1. Đặc điểm môn Công nghệ

Công nghệ bao gồm kiến thức, thiết bị, phương pháp và các hệ thống dùng trong việc tạo ra hàng hoá và cung cấp dịch vụ. Trong mối quan hệ giữa khoa học và công nghệ thì khoa học hướng tới khám phá, tìm hiểu, giải thích thế giới; còn công nghệ dựa trên những thành tựu của khoa học, tạo ra các sản phẩm, dịch vụ công nghệ để giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn, cải tạo thế giới, định hình môi trường sống của con người.

Trong Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT), giáo dục công nghệ được thực hiện từ lớp 3 đến lớp 12 thông qua môn Tin học và Công nghệ ở tiểu học và môn Công nghệ ở trung học.

Công nghệ là môn học bắt buộc trong giai đoạn giáo dục cơ bản; là môn học lựa chọn, thuộc nhóm 9 môn học lựa chọn trong giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp.

Nội dung giáo dục công nghệ rộng, đa dạng, thuộc nhiều lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ khác nhau. Trong dạy học công nghệ, có những nội dung cơ bản, cốt lõi, phổ thông mà tất cả học sinh (HS) đều phải học và có những nội dung có tính đặc thù, chuyên biệt nhằm đáp ứng nguyện vọng, sở thích của HS, phù hợp với yêu cầu của từng địa phương, vùng miền.

Sự đa dạng về lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ trong nội dung môn Công nghệ cũng mang lại ưu thế của môn học trong việc lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục hướng nghiệp trong môn học thông qua các chủ đề về lựa chọn nghề nghiệp; các nội dung giới thiệu về ngành nghề chủ yếu thuộc các lĩnh vực sản xuất mà môn Công nghệ đề cập; các hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp qua các mô đun kỹ thuật, công nghệ lựa chọn.

Cũng như các lĩnh vực giáo dục khác, giáo dục công nghệ góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung, các phẩm chất đã được đề cập trong Chương trình

tổng thể. Với việc coi trọng phát triển tư duy thiết kế, giáo dục công nghệ có ưu thế trong hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Môn Công nghệ ở trường phổ thông có mối quan hệ với nhiều lĩnh vực giáo dục khác, đặc biệt là với Toán học và Khoa học. Cùng với Toán học, Khoa học tự nhiên, Tin học, môn Công nghệ góp phần thúc đẩy giáo dục STEM ở phổ thông – một trong những xu hướng giáo dục đang được coi trọng ở nhiều quốc gia trên thế giới.

2. Quan điểm xây dựng Chương trình môn Công nghệ

Chương trình môn Công nghệ tuân thủ quy định trong Chương trình tổng thể, đồng thời xuất phát từ đặc điểm môn học, nhấn mạnh các quan điểm sau:

– *Khoa học, thực tiễn*: Chương trình dựa trên các thành tựu về lí luận dạy học kĩ thuật; tham chiếu các mô hình giáo dục kĩ thuật, công nghệ đang được sử dụng phổ biến trên thế giới như mô hình định hướng lao động thủ công, mô hình giáo dục kĩ thuật tổng hợp, mô hình công nghệ đại cương, mô hình thiết kế kĩ thuật và mô hình định hướng kĩ thuật tương lai; đồng thời, chương trình được xây dựng bám sát và phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

– *Kế thừa, phát triển*: Chương trình kế thừa những ưu điểm của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành trên các phương diện quan điểm xây dựng chương trình, mục tiêu, nội dung, chuẩn cần đạt, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; đồng thời phản ánh cách tiếp cận mới về vị trí, đặc điểm, mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá của môn Công nghệ.

– *Hội nhập, khả thi*: Chương trình phản ánh xu hướng quốc tế, coi thiết kế kĩ thuật là một trong những tư tưởng chủ đạo của giáo dục công nghệ, đặc biệt là ở cấp trung học phổ thông; có tính đến những yếu tố đặc thù và điều kiện của Việt Nam để đảm bảo tính khả thi của chương trình.

– *Hướng nghiệp*: Chương trình thực hiện giáo dục hướng nghiệp trên cả hai phương diện định hướng và trải nghiệm nghề nghiệp. Nội dung hướng nghiệp trong môn Công nghệ đồng bộ, nhất quán với các hoạt động giáo dục hướng nghiệp khác trong Chương trình GDPT.

– *Mở, linh hoạt*: Chương trình phản ánh những tri thức phổ thông, thiết thực, cốt lõi mà tất cả HS cần phải có, đồng thời bảo đảm tính mở nhằm đáp ứng sự đa dạng, phong phú của công nghệ, nhu cầu, sở thích của HS, phù hợp với đặc điểm của từng địa phương; phản ánh được tinh thần cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

3. Mục tiêu Chương trình môn Công nghệ

a) Mục tiêu chung

Giáo dục công nghệ phổ thông chuẩn bị cho HS học tập và làm việc hiệu quả trong môi trường công nghệ ở gia đình, nhà trường và xã hội; hình thành và phát triển các năng lực hiểu biết, giao tiếp, sử dụng, đánh giá công nghệ và thiết kế kỹ thuật; góp phần phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp; chuẩn bị cho HS các tri thức, kỹ năng nền tảng để lựa chọn ngành nghề thuộc các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

Cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác, giáo dục công nghệ góp phần hình thành và phát triển các năng lực tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo; các phẩm chất đã được nêu trong Chương trình tổng thể, những phẩm chất đặc thù cần có trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ; góp phần giáo dục các nội dung xuyên chương trình như phát triển bền vững, biến đổi khí hậu, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, tài chính.

b) Mục tiêu ở từng cấp học

– *Mục tiêu cấp tiểu học:* Giáo dục công nghệ ở tiểu học góp phần hình thành phẩm chất và năng lực chung đã được mô tả trong Chương trình GDPT tổng thể; bước đầu hình thành và phát triển năng lực công nghệ trên cơ sở các mạch nội dung về công nghệ và đời sống, thủ công kỹ thuật; khơi dậy hứng thú học tập và tìm hiểu công nghệ. Kết thúc tiểu học, HS sử dụng được một số sản phẩm công nghệ thông dụng trong gia đình đúng cách, an toàn; thiết kế được sản phẩm thủ công kỹ thuật đơn giản; trao đổi được một số thông tin đơn giản về các sản phẩm công nghệ trong phạm vi gia đình, nhà trường; đưa ra được nhận xét ở mức độ đơn giản về sản phẩm công nghệ thường gặp; nhận biết được vai trò của công nghệ đối với đời sống trong gia đình.

– *Mục tiêu cấp trung học cơ sở:* Giáo dục công nghệ ở trung học cơ sở (THCS) tiếp tục phát triển phẩm chất, năng lực chung, năng lực công nghệ HS đã tích lũy được ở tiểu học. Kết thúc THCS, HS đọc được thông số kỹ thuật, nhận biết và sử dụng đúng cách một số sản phẩm công nghệ trong gia đình; trao đổi được thông tin về sản phẩm, quy trình công nghệ thông qua lập và đọc bản vẽ kỹ thuật đơn giản; thiết kế được sản phẩm công nghệ đơn giản; có hiểu biết về những nguyên lý cơ bản, những kỹ năng ban đầu trong các lĩnh vực nông – lâm nghiệp, thủy sản và công nghiệp; có tri thức và trải nghiệm về lựa chọn nghề trong lĩnh vực công nghệ, góp phần lựa chọn hướng đi phù hợp sau THCS. Phát huy hứng thú học tập; rèn luyện cho HS về sự cẩn thận, kiên trì trong các hoạt động kỹ thuật, công nghệ.

– *Mục tiêu cấp trung học phổ thông*: Giáo dục công nghệ ở trung học phổ thông (THPT) tiếp tục phát triển phẩm chất, năng lực chung, năng lực công nghệ HS đã tích lũy được sau khi kết thúc THCS; rèn luyện ý thức lao động, tác phong công nghiệp cho HS. Kết thúc THPT, HS có được những hiểu biết đại cương và định hướng nghề về công nghệ thông qua các nội dung: thiết kế và công nghệ, công nghệ cơ khí, công nghệ điện – điện tử (đối với định hướng Công nghiệp); công nghệ trồng trọt, công nghệ chăn nuôi, lâm nghiệp và thủy sản (đối với định hướng Nông nghiệp); có năng lực công nghệ nền tảng phù hợp với các ngành nghề kỹ thuật, công nghệ thuộc một trong hai định hướng Công nghiệp và Nông nghiệp mà các em lựa chọn sau khi tốt nghiệp.

4. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực

a) *Phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi*

Môn Công nghệ góp phần hình thành và phát triển ở HS các phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình GDPT tổng thể (Hình 1.a).



a) Phẩm chất và năng lực cốt lõi

b) Năng lực công nghệ

Hình 1. Mục tiêu phẩm chất và năng lực

b) *Năng lực công nghệ*

Môn Công nghệ hình thành và phát triển ở HS năng lực công nghệ (Hình 1.b), bao gồm các năng lực thành phần sau:

– Năng lực *nhận thức công nghệ* là năng lực làm chủ kiến thức phổ thông cốt lõi về công nghệ trên các phương diện bản chất của công nghệ; mối quan hệ giữa công nghệ, con người, xã hội; một số công nghệ phổ biến, các quá trình sản xuất chủ yếu

có ảnh hưởng và tác động lớn tới kinh tế, xã hội trong hiện tại và tương lai; phát triển và đổi mới công nghệ; nghề nghiệp và định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ chủ yếu ở Việt Nam.

– Năng lực *giao tiếp công nghệ* là năng lực lập, đọc, trao đổi tài liệu kỹ thuật về các sản phẩm, quá trình, dịch vụ công nghệ trong sử dụng, đánh giá công nghệ và thiết kế kỹ thuật.

– Năng lực *sử dụng công nghệ* là năng lực khai thác sản phẩm, quá trình, dịch vụ công nghệ đúng chức năng, đúng kỹ thuật, an toàn và hiệu quả; tạo ra sản phẩm công nghệ.

– Năng lực *đánh giá công nghệ* là năng lực đưa ra những nhận định về một sản phẩm, quá trình, dịch vụ công nghệ với góc nhìn đa chiều về vai trò, chức năng, chất lượng, kinh tế – tài chính, tác động môi trường và những mặt trái của kỹ thuật, công nghệ.

– Năng lực *thiết kế kỹ thuật* là năng lực phát hiện nhu cầu, vấn đề cần giải quyết, cần đổi mới trong thực tiễn; đề xuất giải pháp kỹ thuật, công nghệ đáp ứng nhu cầu, giải quyết vấn đề đặt ra; hiện thực hoá giải pháp kỹ thuật, công nghệ; thử nghiệm và đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu, vấn đề đặt ra. Quá trình trên được thực hiện trên cơ sở xem xét đầy đủ các khía cạnh về tài nguyên, môi trường, kinh tế và nhân văn.

c) Biểu hiện của năng lực công nghệ cấp trung học cơ sở

Ở mỗi cấp học, do đặc điểm tâm sinh lý HS, mục tiêu và nội dung giáo dục môn Công nghệ nên yêu cầu cần đạt về năng lực công nghệ cũng khác nhau. Biểu hiện cụ thể của năng lực công nghệ ở cấp THCS được trình bày ở Bảng 1.

Bảng 1. Biểu hiện cụ thể của năng lực công nghệ ở cấp trung học cơ sở

Thành phần năng lực	Biểu hiện
Nhận thức công nghệ [a]	[a2.1]: Mô tả được một số sản phẩm công nghệ và tác động của nó trong đời sống gia đình. [a2.2]: Nhận thức được nội dung cơ bản về vai trò, các quá trình kỹ thuật và công nghệ, các nghề nghiệp có liên quan của một số lĩnh vực sản xuất chủ yếu trong nền kinh tế của Việt Nam như nông – lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp. [a2.3]: Nhận thức được một số nội dung cơ bản về nghề nghiệp và lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. [a2.4]: Tóm tắt được các tri thức, kỹ năng cơ bản của một số quá trình kỹ thuật, công nghệ có tính nghề phù hợp với sở thích, năng lực của bản thân.

Giao tiếp công nghệ [b]	[b2.1]: Biểu diễn được vật thể hay ý tưởng thiết kế bằng các hình biểu diễn cơ bản. [b2.2]: Đọc được các bản vẽ, kí hiệu, quy trình công nghệ thuộc một số lĩnh vực sản xuất chủ yếu.
Sử dụng công nghệ [c]	[c2.1]: Đọc được tài liệu hướng dẫn sử dụng các thiết bị, sản phẩm công nghệ phổ biến trong gia đình. [c2.2]: Sử dụng đúng cách, hiệu quả một số sản phẩm công nghệ phổ biến trong gia đình. [c2.3]: Phát hiện, đề xuất được giải pháp xử lí các tình huống mất an toàn cho người và sản phẩm công nghệ trong gia đình. [c2.4]: Thực hiện được một số thao tác sơ cứu đơn giản cho người trong những tình huống khẩn cấp. [c2.5]: Thực hiện được một số kĩ thuật đơn giản trong sản xuất nông – lâm nghiệp và thủy sản.
Đánh giá công nghệ [d]	[d2.1]: Đưa ra được nhận xét cho một sản phẩm công nghệ về chức năng, độ bền, tính thẩm mỹ, tính hiệu quả và an toàn khi sử dụng. [d2.2]: Lựa chọn được sản phẩm công nghệ phù hợp trên cơ sở các tiêu chí đánh giá sản phẩm.
Thiết kế kĩ thuật [e]	[e2.1]: Phát hiện được nhu cầu, vấn đề cần giải quyết trong bối cảnh cụ thể. [e2.2]: Đề xuất được giải pháp và tạo được sản phẩm công nghệ đơn giản dựa trên quy trình thiết kế kĩ thuật và kiến thức, kĩ năng về công nghệ.

5. Nội dung giáo dục môn Công nghệ 9

a) Môn Công nghệ trong chương trình trung học cơ sở

Ở cấp THCS, HS được trang bị những tri thức về công nghệ trong phạm vi gia đình; những nguyên lí cơ bản về các quá trình sản xuất chủ yếu; hiểu biết ban đầu về tư duy thiết kế; phương pháp lựa chọn, trải nghiệm nghề cùng với thông tin về các nghề nghiệp thuộc các lĩnh vực sản xuất chủ yếu thông qua các chủ đề: Công nghệ trong gia đình; Nông – lâm nghiệp và thủy sản; Công nghiệp và thiết kế kĩ thuật; Công nghệ và hướng nghiệp. Cuối cấp THCS, ngoài các nội dung cốt lõi mà tất cả HS đều phải học, HS được lựa chọn học một số nội dung phù hợp với đặc điểm tâm – sinh lí và hứng thú của bản thân, phù hợp với đặc điểm và điều kiện của địa phương.

Theo chương trình GDPT 2018, chủ đề nội dung chính và thời lượng của môn Công nghệ cho từng khối lớp cấp THCS được trình bày trong Bảng 2.

Bảng 2. Chủ đề nội dung và thời lượng môn Công nghệ cấp trung học cơ sở

Lớp	Nội dung	Số tiết
6	Công nghệ trong gia đình	35
7	Nông – lâm nghiệp và thủy sản	35
8	Công nghiệp và thiết kế kỹ thuật	52
9	Công nghệ và hướng nghiệp	52

Theo kế hoạch triển khai Chương trình GDPT 2018, sách giáo khoa Công nghệ mới của các lớp 6, 7 và 8 đã được đưa vào sử dụng lần lượt trong các năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023 và 2023 – 2024; sách giáo khoa Công nghệ 9 mới sẽ đưa vào sử dụng trong năm học 2024 – 2025.

b) Nội dung và yêu cầu cần đạt của môn Công nghệ 9

Theo Chương trình GDPT môn Công nghệ 2018, môn Công nghệ 9 – Công nghệ và hướng nghiệp có điểm đặc biệt như sau:

Chương trình môn Công nghệ 9 bao gồm 2 phần:

- Phần thứ nhất: *Định hướng nghề nghiệp*, là phần bắt buộc.
- Phần thứ hai: *Trải nghiệm nghề nghiệp* là phần lựa chọn. Chương trình phần trải nghiệm nghề nghiệp có 15 mô đun thuộc ba lĩnh vực công nghiệp; nông – lâm nghiệp và thủy sản; dịch vụ. HS sẽ lựa chọn học 1 trong 15 mô đun đó. Hiện tại, bộ sách Cánh Diều mới biên soạn 3 mô đun thuộc 3 lĩnh vực. Vì vậy, ở tài liệu này chỉ trình bày nội dung và yêu cầu cần đạt của 3 mô đun này.

Nội dung và yêu cầu cần đạt của phần *Định hướng nghề nghiệp* và 3 mô đun thuộc phần *Trải nghiệm nghề nghiệp* được trình bày trong Bảng 3.

Bảng 3. Nội dung và yêu cầu cần đạt của môn Công nghệ 9

STT	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
I	Phần ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP	
1	Nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ	– Trình bày được khái niệm nghề nghiệp, tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người và xã hội, ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp của mỗi người. – Kể tên và phân tích được đặc điểm, những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

STT	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
2	Giáo dục kỹ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân	– Mô tả được cơ cấu hệ thống giáo dục tại Việt Nam. – Nhận ra và giải thích được các thời điểm có sự phân luồng và cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kỹ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục. – Hiểu được sau khi kết thúc trung học cơ sở có những hướng đi nào liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.
3	Thị trường lao động kỹ thuật, công nghệ tại Việt Nam	– Trình bày được khái niệm về thị trường lao động, các yếu tố ảnh hưởng tới thị trường lao động, vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. – Mô tả được những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam hiện nay. – Tìm kiếm được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ.
4	Lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ	– Tóm tắt được một số lý thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp. – Giải thích được các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp. – Tự đánh giá được năng lực, sở thích, cá tính của bản thân, bối cảnh của gia đình về mức độ phù hợp với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. – Nhận ra và giải thích được các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.
II	Phần TRẢI NGHIỆM NGHỀ NGHIỆP <i>Học sinh lựa chọn học 1 trong 3 mô đun này.</i>	
1	Lắp đặt mạng điện trong nhà	– Mô tả được chức năng, cấu tạo và thông số kỹ thuật của thiết bị đóng cắt, lấy điện trong gia đình. – Sử dụng được một số dụng cụ đo điện cơ bản. – Thiết kế được sơ đồ nguyên lý và sơ đồ lắp đặt mạng điện trong nhà. – Lựa chọn được thiết bị, dụng cụ, vật liệu phù hợp cho mạng điện trong nhà. – Lắp đặt được mạng điện trong nhà theo thiết kế. – Kiểm tra, thử nghiệm mạng điện hoạt động đúng yêu cầu, an toàn. – Tính toán được chi phí cho một mạng điện trong nhà đơn giản. – Thực hiện an toàn, vệ sinh lao động, nghiêm túc, trách nhiệm trong công việc. – Đánh giá được khả năng và sở thích của bản thân đối với một số ngành nghề liên quan.

STT	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
2	Trồng cây ăn quả	– Trình bày được vai trò của cây ăn quả. – Phân tích được đặc điểm thực vật học, yêu cầu ngoại cảnh của một số loại cây ăn quả phổ biến ở địa phương. – Nêu được quy trình trồng, chăm sóc và kỹ thuật tỉa cành tạo tán, điều khiển ra hoa, đậu quả của một số loại cây ăn quả phổ biến. – Thực hiện được kỹ thuật nhân giống vô tính một số loại cây ăn quả phổ biến. – Trồng và chăm sóc một loại cây ăn quả. – Tính toán được chi phí và hiệu quả kinh tế khi trồng cây ăn quả. – Có ý thức bảo vệ môi trường và an toàn lao động. – Đánh giá được khả năng và sở thích của bản thân với một số ngành nghề liên quan.
3	Chế biến thực phẩm	– Phân tích được vai trò của các chất dinh dưỡng và các biện pháp bảo quản chất dinh dưỡng có trong thực phẩm. – Lựa chọn được các loại thực phẩm thông dụng. – Chế biến được một số món ăn đặc trưng cho các phương pháp chế biến, đạt yêu cầu kỹ thuật. – Tính toán được chi phí cho một bữa ăn theo thực đơn cho trước. – Có ý thức thực hiện an toàn lao động và an toàn vệ sinh thực phẩm. – Yêu thích lao động, tỉ mỉ, kiên nhẫn, cẩn thận, sáng tạo trong công việc. – Đánh giá được khả năng và sở thích của bản thân đối với một số ngành nghề liên quan.



GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SÁCH GIÁO KHOA MÔN CÔNG NGHỆ 9

1. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa Công nghệ 9

Sách giáo khoa (SGK) Công nghệ 9 thuộc bộ sách Cánh Diều được biên soạn theo các quan điểm như sau:

- Sách có cấu trúc hợp lý theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất HS, đáp ứng yêu cầu cần đạt trong Chương trình GDPT môn Công nghệ 2018.
- Đảm bảo giai đoạn giáo dục cơ bản; có tính hiện đại, cập nhật, tương ứng với sự phát triển của khoa học, kỹ thuật và công nghệ, cũng như trong thiết kế kỹ thuật.
- Đảm bảo tính khái quát, trình bày đơn giản, dễ hiểu và gần gũi với đời sống thực tiễn nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.
- Chú trọng cung cấp kiến thức qua kênh chữ kết hợp với kênh hình, phù hợp với năng lực nhận thức của HS, đồng thời tạo hình thức đẹp, hấp dẫn.

– Tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên (GV) tổ chức hoạt động học tập cho HS, phát huy tính tự chủ của nhà trường và GV trong việc lập kế hoạch dạy học, kế hoạch bài dạy và tổ chức dạy học.

2. Nội dung sách giáo khoa công nghệ 9

a) Cấu trúc sách giáo khoa

Để việc sử dụng sách trong quá trình dạy học môn Công nghệ 9 được thuận lợi, SGK Công nghệ 9 được biên soạn thành các quyển độc lập. Do đó, bộ sách Cánh Diều hiện tại có 4 quyển SGK Công nghệ 9 sau:

- Quyển 1: SGK Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp.
- Quyển 2: SGK Công nghệ 9 – Trải nghiệm nghề nghiệp: Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà.
- Quyển 3: SGK Công nghệ 9 – Trải nghiệm nghề nghiệp: Mô đun Trồng cây ăn quả.
- Quyển 4: SGK Công nghệ 9 – Trải nghiệm nghề nghiệp: Mô đun Chế biến thực phẩm.

Cấu trúc SGK Công nghệ 9 ở cả 4 quyển được thiết kế gồm 3 phần:

- Mở đầu cuốn sách có trang hướng dẫn sử dụng sách, trong đó giới thiệu một số kí hiệu (icon) của các hoạt động dạy học giúp cho GV và HS thuận tiện hơn khi thực hiện các hoạt động dạy và học. Tiếp theo là Lời nói đầu và Mục lục của sách Công nghệ 9.
- Nội dung chính của mỗi quyển SGK Công nghệ 9 tùy thuộc nội dung và yêu cầu cần đạt của phần hoặc mô đun.
- Cuối cuốn sách có bảng giải thích một số thuật ngữ để giúp thầy và trò thuận tiện hơn khi sử dụng sách trong giảng dạy và học tập.

b) Cấu trúc bài học

Với mục tiêu dạy học phát triển năng lực và phẩm chất của HS, đồng thời để đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình và tạo thuận lợi cho GV giảng dạy môn Công nghệ 9, các bài học trong 4 quyển SGK Công nghệ 9 đều có cấu trúc dưới dạng các hoạt động dạy học, trong đó chủ yếu là hoạt động học tập.

- Hoạt động **Mở đầu** (Khởi động): Nêu câu hỏi, vấn đề, tình huống hoặc giao nhiệm vụ cho HS để các em huy động vốn kiến thức đã học và vốn hiểu biết thực

tiền để trả lời, giải quyết. Nội dung trả lời câu hỏi hoặc kiến thức hỗ trợ giải quyết vấn đề cũng có một phần nằm trong nội dung bài học. Như vậy, sẽ tạo tâm thế học tập cho HS, giúp các em có mong muốn nghiên cứu nội dung bài học để trả lời câu hỏi được trọn vẹn, chắc chắn hơn.

– Hoạt động **Hình thành kiến thức mới**: Trình bày nội dung chính theo mục tiêu của bài học nhưng có đưa ra các câu hỏi, bài toán, nhiệm vụ,... để định hướng, kích thích HS nghiên cứu, suy nghĩ, trao đổi với nhau. Qua đó, lĩnh hội được kiến thức, hình thành được kỹ năng của bài học. Trong nội dung hoạt động có những câu hỏi gợi ý để tích cực hoá hoạt động học tập của HS và định hướng các em tập trung hơn vào những nội dung chính cần học.

– Hoạt động **Luyện tập**: Đưa ra câu hỏi, bài toán, nhiệm vụ,... để thông qua trả lời, giải quyết, HS được rèn luyện và phát triển kỹ năng, củng cố kiến thức đã học.

– Hoạt động **Vận dụng**: Đưa ra câu hỏi, bài toán, nhiệm vụ,... để thông qua trả lời, giải quyết, HS sẽ củng cố kiến thức, mở rộng kiến thức và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

Trong mỗi bài học còn có mục “**Em có biết**” để giới thiệu thêm những thông tin bổ ích, hấp dẫn có liên quan đến nội dung bài học giúp HS mở rộng thêm hiểu biết của mình.

Để hỗ trợ các thầy cô xác định trọng tâm của bài thuận lợi khi xây dựng kế hoạch bài dạy và để giúp HS thuận tiện khi ôn tập kiến thức của bài, nắm chắc kiến thức chủ yếu, trọng tâm của bài học, mỗi bài học còn có mục “**Kiến thức cốt lõi**”, trong đó trình bày tóm tắt những nội dung chính, trọng tâm, chủ yếu của bài học.

3. Một số nội dung mới của sách giáo khoa Công nghệ 9 thuộc Chương trình GDPT 2018 so với sách giáo khoa Công nghệ 9 thuộc Chương trình GDPT 2006

So với SGK Công nghệ 9 thuộc Chương trình GDPT 2006 (gọi tắt là sách Công nghệ 9 cũ), nội dung các SGK môn Công nghệ 9 thuộc Chương trình GDPT 2018 (gọi tắt là sách Công nghệ 9 mới) có một số điểm mới như sau:

a) Nội dung mới của sách giáo khoa Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp

Nội dung SGK Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp (quyển 1) hoàn toàn mới so với nội dung Công nghệ 9 cũ.

Theo chương trình GDPT môn Công nghệ 2018, nội dung quyển 1 trình bày 4 vấn đề chính sau:

- Nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.
- Giáo dục kỹ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân.
- Thị trường lao động kỹ thuật, công nghệ tại Việt Nam.
- Lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

Nhìn chung, các nội dung trên không quá phức tạp. Để giảng dạy tốt nội dung này, GV nên tìm hiểu thêm về lý thuyết hướng nghiệp, các tài liệu về giáo dục hướng nghiệp, các ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

b) Nội dung mới của sách giáo khoa Công nghệ 9 – Lắp đặt mạng điện trong nhà

Nhìn chung, nội dung SGK Công nghệ 9 – Lắp đặt mạng điện trong nhà (quyển 2) có khá nhiều điểm giống với sách Công nghệ 9 cũ về Lắp đặt mạng điện trong nhà. Có thể thấy rõ điều đó qua bảng so sánh về yêu cầu cần đạt và cấu trúc SGK như sau (Bảng 4):

Bảng 4. So sánh mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà ở Chương trình 2006 và 2018

Nội dung	Công nghệ 9 Chương trình 2006	Công nghệ 9 Chương trình 2018
Tên mô đun	Lắp đặt mạng điện trong nhà	Lắp đặt mạng điện trong nhà
Số tiết	35	35
Yêu cầu cần đạt (Chương trình 2006 gọi là “Mức độ cần đạt”)	Kiến thức – Biết được đặc điểm, yêu cầu, triển vọng phát triển của công việc đối với người lao động. – Hiểu được những nguyên tắc an toàn lao động trong công việc. – Biết cách lựa chọn, sử dụng những thiết bị, dụng cụ, vật liệu cần thiết cho công việc. – Hiểu được quy trình lắp đặt mạng điện. – Biết cách kiểm tra an toàn điện mạng điện trong nhà. Kỹ năng – Lựa chọn, sử dụng được những thiết bị, dụng cụ và vật liệu cần thiết cho công việc lắp đặt mạng điện trong nhà. – Sử dụng được một số dụng cụ lắp đặt điện đúng kỹ thuật.	– Mô tả được chức năng, cấu tạo và thông số kỹ thuật của thiết bị đóng cắt, lấy điện trong gia đình. – Sử dụng được một số dụng cụ đo điện cơ bản. – Thiết kế được sơ đồ nguyên lý và sơ đồ lắp đặt mạng điện trong nhà. – Lựa chọn được thiết bị, dụng cụ, vật liệu phù hợp cho mạng điện trong nhà. – Lắp đặt được mạng điện trong nhà theo thiết kế. – Kiểm tra, thử nghiệm mạng điện hoạt động đúng yêu cầu, an toàn. – Tính toán được chi phí cho một mạng điện trong nhà đơn giản. – Thực hiện an toàn, vệ sinh lao động, nghiêm túc, trách nhiệm trong công việc.

	– Lắp đặt được một số mạch điện trong nhà đúng quy trình kỹ thuật. Thái độ – Yêu thích học công việc lắp đặt mạng điện. – Thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc an toàn lao động. – Làm việc cẩn thận, đúng quy trình, bảo đảm an toàn lao động và giữ vệ sinh môi trường.	– Đánh giá được khả năng và sở thích của bản thân đối với một số ngành nghề liên quan.
Cấu trúc nội dung chính SGK	Bài 1. Giới thiệu nghề điện dân dụng. Bài 2. Vật liệu điện dùng trong lắp đặt mạng điện trong nhà. Bài 3. Dụng cụ dùng trong lắp đặt mạng điện. Bài 4. Thực hành: Sử dụng đồng hồ đo điện. Bài 5. Thực hành: Nối dây dẫn điện. Bài 6. Thực hành: Lắp mạch điện bảng điện. Bài 7. Thực hành: Lắp mạch điện đèn ống huỳnh quang. Bài 8. Thực hành: Lắp mạch điện hai công tắc hai cực điều khiển hai đèn. Bài 9. Thực hành: Lắp mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn. Bài 10. Thực hành: Lắp mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn. Bài 11. Lắp đặt dây dẫn của mạng điện trong nhà. Bài 12. Kiểm tra an toàn mạng điện trong nhà. Tổng kết và ôn tập.	Bài 1. Thiết bị đóng cắt và lấy điện trong gia đình. Bài 2. Dụng cụ đo điện cơ bản. Bài 3. Thiết bị, vật liệu, dụng cụ dùng cho lắp đặt mạng điện trong nhà. Bài 4. Thiết kế mạng điện trong nhà. Bài 5. Tính toán chi phí cho mạng điện trong nhà. Bài 6. Thực hành lắp mạng điện trong nhà. Bài 7. Một số ngành nghề liên quan đến lắp đặt mạng điện trong nhà. Bài Ôn tập.

Như vậy, nhìn chung yêu cầu cần đạt, nội dung của mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà của hai quyển SGK *Lắp đặt mạng điện trong nhà* mới và cũ tương tự nhau. Điểm mới chủ yếu là điều chỉnh, bổ sung một số kiến thức kỹ thuật mới phù

hợp với sự phát triển của kĩ thuật, công nghệ và bổ sung nội dung định hướng nghề nghiệp. Như vậy, nội dung SGK *Lắp đặt mạng điện trong nhà* phù hợp với chủ đề của môn Công nghệ 9 – Công nghệ và hướng nghiệp.

Nếu nhà trường và GV đã thực hiện dạy học mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà của Chương trình GDPT 2006 thì khi giảng dạy mô đun của Chương trình GDPT 2018, việc điều chỉnh, đổi mới chủ yếu nằm ở khâu đổi mới dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất HS.

Đối với nhà trường và GV lần đầu triển khai dạy học mô đun này thì cũng không gặp nhiều khó khăn về chuyên môn và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học do nội dung không quá khó và thiết bị dạy học và học liệu cũng đơn giản.

c) Nội dung mới của sách giáo khoa Công nghệ 9 – Trồng cây ăn quả

Mô đun Trồng cây ăn quả, môn Công nghệ 9 (quyển 3), bộ sách Cánh Diều có nhiều điểm mới so với mô đun Trồng cây ăn quả của môn Công nghệ 9 thuộc Chương trình GDPT 2006, cụ thể được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 5. So sánh mô đun Trồng cây ăn quả Chương trình 2006 và 2018

Nội dung	Công nghệ 9 Chương trình 2006	Công nghệ 9 Chương trình 2018
Tên mô đun	Trồng cây ăn quả	Trồng cây ăn quả
Số tiết	35	35
Yêu cầu cần đạt (Chương trình 2006 gọi là “Mức độ cần đạt”)	Kiến thức – Biết được vai trò, vị trí của công việc trồng cây ăn quả trong xã hội; đặc điểm, yêu cầu và triển vọng phát triển của công việc trồng cây ăn quả. – Hiểu được các giá trị dinh dưỡng, kinh tế. – Biết được đặc điểm thực vật học, yêu cầu ngoại cảnh của cây ăn quả. – Biết được một số loại giống và cách nhân giống cây ăn quả. – Biết được quy trình và yêu cầu của các biện pháp kĩ thuật trồng cây ăn quả. Kĩ năng – Làm được một số công việc trong quy trình trồng cây ăn quả.	– Trình bày được vai trò của cây ăn quả. – Phân tích được đặc điểm thực vật học, yêu cầu ngoại cảnh của một số loại cây ăn quả phổ biến ở địa phương. – Nêu được quy trình trồng, chăm sóc và kĩ thuật tỉa cành tạo tán, điều khiển ra hoa, đậu quả của một số loại cây ăn quả phổ biến. – Thực hiện được kĩ thuật nhân giống vô tính một số loại cây ăn quả phổ biến. – Trồng và chăm sóc một loại cây ăn quả. – Tính toán được chi phí và hiệu quả kinh tế khi trồng cây ăn quả. – Có ý thức bảo vệ môi trường và an toàn lao động.

	– Nhận dạng được một số sâu, bệnh hại cây ăn quả. Thái độ – Yêu thích học công việc trồng cây ăn quả. – Có ý thức bảo vệ môi trường sinh thái và làm việc đúng quy trình	– Đánh giá được khả năng và sở thích của bản thân với một số ngành nghề liên quan.
Cấu trúc nội dung chính SGK	Bài 1. Giới thiệu nghề trồng cây ăn quả Bài 2. Một số vấn đề chung về cây ăn quả Bài 3. Các phương pháp nhân giống cây ăn quả Bài 4. Thực hành: Giâm cành Bài 5. Thực hành: Chiết cành Bài 6. Thực hành: Ghép Bài 7. Kỹ thuật trồng cây ăn quả có múi Bài 8. Kỹ thuật trồng cây nhãn Bài 9. Kỹ thuật trồng cây vải Bài 10. Kỹ thuật trồng cây xoài Bài 11. Kỹ thuật trồng cây chôm chôm Bài 12. Thực hành: Nhận biết một số loại sâu, bệnh hại cây ăn quả Bài 13. Thực hành: Trồng cây ăn quả Bài 14. Thực hành: Bón phân thúc cho cây ăn quả Bài 15. Thực hành: Làm xiro từ quả Bài Ôn tập.	Chủ đề 1. Giới thiệu chung về cây ăn quả Bài 1. Đặc điểm chung về cây ăn quả Chủ đề 2. Các phương pháp nhân giống một số loại cây ăn quả phổ biến Bài 2. Nhân giống cây ăn quả và thực hành nhân giống cây ăn quả bằng phương pháp ghép đoạn cành Bài 3. Thực hành nhân giống cây ăn quả bằng phương pháp giâm cành Bài 4. Thực hành nhân giống cây ăn quả bằng phương pháp chiết cành. Chủ đề 3. Kỹ thuật trồng và chăm sóc một số loại cây ăn quả phổ biến Bài 5. Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây xoài Bài 6. Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây thanh long Bài 7. Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây nhãn Bài 8. Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây ăn quả có múi Bài 9. Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây chuối Bài 10. Thực hành trồng và chăm sóc cây ăn quả Bài 11. Tính toán chi phí và hiệu quả của việc trồng cây ăn quả Chủ đề 4. Ngành nghề liên quan đến trồng cây ăn quả Bài 12. Một số ngành nghề liên quan đến trồng cây ăn quả Bài Ôn tập

Mô đun Trồng cây ăn quả, môn Công nghệ 9 theo Chương trình GDPT 2018 được thiết kế theo 4 chủ đề và 12 bài học. Nội dung các bài học của mô đun Trồng cây ăn quả môn Công nghệ 9 mới có sự kế thừa một số nội dung liên quan ở môn Công nghệ 9 cũ đồng thời bổ sung thêm các nội dung mới: tích hợp các nội dung mới về an toàn lao động, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, giáo dục kinh tế; bổ sung nội dung định hướng nghề nghiệp cho HS cuối cấp THCS, phù hợp với chủ đề của môn Công nghệ 9 – Công nghệ và hướng nghiệp, đó là chủ đề 4 “Ngành nghề liên quan đến trồng cây ăn quả”. Số lượng bài học của mô đun Trồng cây ăn quả thiết kế theo Chương trình GDPT 2028 là 12 bài học và một bài ôn tập, ở 4 chủ đề, ít hơn 3 bài trong mô đun Trồng cây ăn quả theo Chương trình GDPT 2006. Các bài học trong sách mới được thiết kế theo quan điểm dạy học phát triển năng lực và phẩm chất HS, mỗi bài học gồm hai tuyến nội dung và hoạt động. Các hoạt động gồm: Mở đầu; Hình thành kiến thức, kĩ năng mới; Luyện tập; Vận dụng. Ngoài ra còn có hoạt động mở rộng, cuối mỗi bài có nội dung chốt kiến thức cốt lõi.

Nội dung các bài học mô đun Trồng cây ăn quả theo chương trình GDPT mới được cập nhật các kiến thức khoa học, đảm bảo tính phổ thông, cơ bản, hiện đại. Các cây ăn quả được đưa vào bài học là các loại cây trồng phổ biến ở các vùng miền của cả nước, có giá trị dinh dưỡng và giá trị kinh tế cao. Mô đun Trồng cây ăn quả theo chương trình cũ giới thiệu cả phương pháp nhân giống hữu tính và nhân giống vô tính, ở mô đun Trồng cây ăn quả theo chương trình mới chỉ giới thiệu các phương pháp nhân giống vô tính cây trồng. Trong đó, tập trung giới thiệu và cho HS thực hành phương pháp ghép đoạn cành, giâm cành, chiết cành. Về các loại cây ăn quả, ở mô đun Trồng cây ăn quả theo chương trình cũ giới thiệu giá trị dinh dưỡng, đặc điểm thực vật và yêu cầu ngoại cảnh, kĩ thuật trồng và chăm sóc các loại cây: cây ăn quả có múi, cây nhãn, cây vải, cây xoài, cây chôm chôm; cho HS thực hành nhận biết một số loại sâu bệnh hại cây ăn quả; thực hành trồng cây, bón thúc cho cây ăn quả, làm xiro quả. Trong khi đó, ở mô đun Trồng cây ăn quả theo chương trình mới, giới thiệu đặc điểm đặc điểm thực vật học, yêu cầu ngoại cảnh, quy trình trồng và chăm sóc các loại cây: cây ăn quả có múi, cây nhãn, cây xoài, cây chuối, cây thanh long; cho HS thực hành trồng và chăm sóc cây ăn quả, tính toán chi phí và hiệu quả của việc trồng cây ăn quả. Nội dung và hoạt động trong bài học của mô đun Trồng cây ăn quả theo chương trình mới, bộ sách Cánh Diều tạo điều kiện rất thuận lợi cho GV thiết kế các hoạt động dạy học gắn với trải nghiệm thực tế để phát triển năng lực và phẩm chất cho HS.

Ngoài kênh chữ, nội dung bài học được tăng cường kênh hình để tăng tính trực quan, sự hấp dẫn của nội dung; kênh hình trong sách không phải chỉ để minh họa mà chủ yếu để khám phá kiến thức, hình thành kỹ năng; rất thuận tiện cho việc tổ chức các hoạt động học tập của HS, giúp các em dễ liên hệ, vận dụng vào thực tiễn.

d) Nội dung mới của sách giáo khoa Công nghệ 9 – Chế biến thực phẩm

Mô đun Chế biến thực phẩm, môn Công nghệ 9 chương trình GDPT 2018 (quyển 4) có nhiều điểm mới so với mô đun Nấu ăn của môn Công nghệ 9 thuộc Chương trình GDPT 2006, cụ thể được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 6. So sánh mô đun Chế biến thực phẩm Chương trình 2006 và 2018

Nội dung	Công nghệ 9 Chương trình 2006	Công nghệ 9 Chương trình 2018
<i>Tên mô đun</i>	Nấu ăn	Chế biến thực phẩm
<i>Số tiết</i>	35	35
<i>Yêu cầu cần đạt</i> (Chương trình 2006 gọi là “Mức độ cần đạt”)	<i>Kiến thức</i> – Biết được vai trò, vị trí của công việc nấu ăn trong xã hội; đặc điểm, triển vọng phát triển, yêu cầu của công việc đối với người lao động. – Biết được đặc điểm, công dụng, cách sử dụng và bảo quản các dụng cụ, thiết bị nhà bếp. – Biết được các sắp xếp các khu vực hoạt động trong nhà bếp và các dạng hình trang trí nhà bếp thông dụng. – Biết được nguyên nhân gây tai nạn và biện pháp bảo đảm an toàn lao động trong nấu ăn. – Biết được nguyên tắc chung, quy trình thực hiện, yêu cầu kỹ thuật của các phương pháp chế biến món ăn không sử dụng nhiệt và có sử dụng nhiệt. – Biết được cách xây dựng thực đơn cho bữa liên hoan, bữa tiệc. – Hiểu được quy trình tổ chức thực hiện thực đơn. – Biết được cách trình bày bàn phù hợp với tính chất bữa ăn.	– Phân tích được vai trò của các chất dinh dưỡng và các biện pháp bảo quản chất dinh dưỡng có trong thực phẩm. – Lựa chọn được các loại thực phẩm thông dụng. – Chế biến được một số món ăn đặc trưng cho các phương pháp chế biến, đạt yêu cầu kỹ thuật. – Tính toán được chi phí cho một bữa ăn theo thực đơn cho trước. – Có ý thức thực hiện an toàn lao động và an toàn vệ sinh thực phẩm. – Yêu thích lao động, tỉ mỉ, kiên nhẫn, cẩn thận, sáng tạo trong công việc. – Đánh giá được khả năng và sở thích của bản thân đối với một số ngành nghề liên quan.

	Kỹ năng – Sử dụng và bảo quản hợp lý các dụng cụ, thiết bị nhà bếp.	
	– Chế biến được một số món ăn đãi tiệc đạt yêu cầu kỹ thuật. – Xây dựng được thực đơn, tổ chức thực hiện thực đơn và bày bàn cho bữa liên hoan, bữa tiệc. Thái độ – Yêu thích học nấu ăn. – Có thói quen thực hiện an toàn lao động trong nấu ăn. – Có ý thức làm việc theo quy trình, tiết kiệm, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	
Cấu trúc nội dung chính SGK	Bài 1. Giới thiệu nghề nấu ăn Bài 2. Sử dụng và bảo quản dụng cụ, thiết bị nhà bếp Bài 3. Sắp xếp và trang trí nhà bếp Bài 4. An toàn lao động trong nấu ăn Bài 5. Thực hành: Xây dựng thực đơn Bài 6. Trình bày và trang trí bàn ăn Bài 7. Thực hành: Chén biến các món ăn không sử dụng nhiệt Bài 8. Thực hành: Chế biến các món ăn có sử dụng nhiệt Bài 9. Thực hành: Món hấp Bài 10. Thực hành: Món rán Bài 11. Thực hành: Món xào Bài 12. Thực hành: Món nướng Bài Ôn tập.	Chủ đề 1. Chất dinh dưỡng và an toàn trong chế biến thực phẩm Bài 1. Vai trò của các chất dinh dưỡng trong thực phẩm Bài 2. Bảo quản chất dinh dưỡng trong thực phẩm Bài 3. Lựa chọn thực phẩm Bài 4. Tính chi phí bữa ăn Bài 5. An toàn lao động trong chế biến thực phẩm Bài 6. An toàn vệ sinh thực phẩm Chủ đề 2. Thực hành chế biến thực phẩm Bài 7. Chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt Bài 8. Chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt Chủ đề 3. Ngành nghề liên quan đến chế biến thực phẩm Bài 9. Một số ngành nghề liên quan đến chế biến thực phẩm Bài Ôn tập

Như vậy, tên của 2 mô đun theo Chương trình GDPT mới và cũ có sự khác biệt; các yêu cầu cần đạt cũng được thiết kế khác: Chương trình cũ theo yêu cầu về kiến

thức, kĩ năng, thái độ; Chương trình mới theo yêu cầu phát triển năng lực và phẩm chất của HS. Do vậy, nội dung mô đun này có sự khác biệt rất lớn như đã trình bày khái quát trong bảng trên.

Nội dung mô đun Chế biến thực phẩm, môn Công nghệ 9 mới có rất nhiều điểm mới so với mô đun Nấu ăn ở môn Công nghệ 9 cũ đồng thời bổ sung thêm các nội dung mới: tích hợp các nội dung mới về an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường, giáo dục kinh tế; bổ sung nội dung định hướng nghề nghiệp cho HS cuối cấp THCS, phù hợp với chủ đề của môn Công nghệ 9 – Công nghệ và hướng nghiệp, đó là chủ đề 3 “Ngành nghề liên quan đến chế biến thực phẩm”. Số lượng bài học của mô đun Chế biến thực phẩm, bộ sách Cánh Diều thiết kế theo Chương trình GDPT 2018 là 9 bài học và một bài ôn tập, ở 4 chủ đề, ít hơn 3 bài trong sách theo Chương trình GDPT 2006. Các bài học trong sách mới được thiết kế theo quan điểm dạy học phát triển năng lực và phẩm chất HS, mỗi bài học gồm hai tuyến nội dung và hoạt động. Các hoạt động gồm: Mở đầu; Hình thành kiến thức, kĩ năng mới; Luyện tập; Vận dụng. Ngoài ra còn có hoạt động mở rộng, cuối mỗi bài có nội dung chốt kiến thức cốt lõi.

Các món ăn được đưa vào bài học trong mô đun Chế biến thực phẩm theo Chương trình GDPT mới mới rất phổ biến ở các vùng miền trong cả nước, có giá trị dinh dưỡng, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Đối với phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt, sách giới thiệu phương pháp chế biến thực phẩm bằng nước nóng, hơi nước nóng, không khí nóng, dầu, mỡ nóng. Trong từng phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt cho HS thực hành hành chế biến một số món ăn phổ biến, thông dụng; không trình bày nhiều món như trong mô đun Nấu ăn. Ví dụ, ở phương pháp chế biến thực phẩm bằng nước nóng có các món: món luộc (thịt lợn luộc), món nấu (canh rau cải nấu thịt), món kho (cá kho); Phương pháp chế biến thực phẩm bằng hơi nước nóng có món hấp (cá hấp xì dầu); Phương pháp chế biến thực phẩm bằng không khí nóng có món nướng (thịt lợn nướng); Phương pháp chế biến thực phẩm bằng hơi dầu, mỡ nóng có các món: món chiên (bò cuộn lá lót chiên), món rang (cơm rang thập cẩm), món xào (thịt lợn xào súp lơ). Ở phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt, sách giới thiệu các món phổ biến như: món trộn (quả dầm), lên men lactic (rau cải muối chua). Vì vậy, với cách thiết kế nội dung trong sách mới, HS học được quy trình lí thuyết đồng thời thực hành và qua đó hiểu được nguyên lí chế biến các món ăn. GV cũng rất thuận lợi trong thiết

kể các hoạt động dạy học, các vật liệu và dụng cụ để tổ chức HS học tập thông qua trải nghiệm, qua đó phát triển năng lực và phẩm chất cho HS.

Ngoài kênh chữ, nội dung bài học trong mô đun Chế biến thực phẩm được tăng cường kênh hình để tăng tính trực quan, tạo sự hấp dẫn của nội dung để tạo hứng thú học tập cho HS; kênh hình trong sách không phải chỉ để minh hoạ mà chủ yếu để khám phá kiến thức, hình thành kỹ năng; rất thuận tiện cho việc tổ chức các hoạt động học tập của HS, giúp các em dễ liên hệ, vận dụng vào thực tiễn.



HỆ THỐNG SÁCH, TÀI LIỆU THAM KHẢO BỔ TRỢ, THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU CỦA SÁCH GIÁO KHOA CÔNG NGHỆ 9

1. Sách giáo viên Công nghệ 9

Sách giáo viên Công nghệ 9 tập trung vào hai nhiệm vụ sau:

- Hỗ trợ GV trong việc lập kế hoạch bài dạy và tổ chức thực hiện dạy học trên lớp.
- Trình bày gợi ý trả lời, đáp án các câu hỏi, nhiệm vụ, bài tập được nêu ra trong bài học.

Với nhiệm vụ thứ nhất, nhằm mục đích giúp GV thuận lợi trong việc lập và thực hiện kế hoạch bài dạy, đặc biệt là gợi ý cách tổ chức thực hiện các hoạt động dạy học nội dung trong bài học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS, cấu trúc các bài trong sách giáo viên Công nghệ 9 bám sát theo hướng dẫn trong Công văn 5512 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm ba nội dung chính sau:

- 1) Mục tiêu (Yêu cầu cần đạt): Phân tích mục tiêu bài dạy, thể hiện rõ thành phần, mức độ hình thành, phát triển năng lực và phẩm chất HS.
- 2) Thiết bị dạy học và học liệu: Chủ yếu liệt kê những công việc cần chuẩn bị của GV về phương tiện dạy học và những học liệu cần thiết.
- 3) Tiến trình dạy học (Các hoạt động dạy học chủ yếu): Gợi ý cách tổ chức hoạt động dạy học. Tuy vẫn bám sát hướng dẫn chi tiết, cụ thể như trong Công văn 5512 nhưng nội dung này đã có những gợi ý đơn giản, thiết thực hơn theo định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Thiết bị dạy học

Ngày 30/12/2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS. Trong danh mục đó

có đầy đủ các thiết bị, đồ dùng dạy học cho các mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà, Trồng cây ăn quả và Chế biến thực phẩm. Nhà trường và GV lập dự trù mua sắm để phục vụ quá trình dạy học môn học.

Ngoài ra, GV nên khai thác điều kiện của địa phương và có thể nghiên cứu, tự thiết kế, chế tạo một số đồ dùng dạy học phù hợp.

3. Học liệu điện tử

Trong bộ sách Công nghệ 9 thuộc bộ sách Cánh Diều còn có học liệu điện tử trên trang web: <https://www.hoc10.vn/> có giao diện như Hình 2.

GV có thể tra cứu tham khảo miễn phí trên trang web nhằm có thêm tư liệu và phương tiện hỗ trợ quá trình dạy học.



Hình 2. Giao diện học liệu điện tử bộ sách Cánh Diều



PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Đổi mới phương pháp dạy học

Để thực hiện mục tiêu giáo dục của Chương trình GDPT 2018 là phát triển phẩm chất và năng lực HS, đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) là một công việc cần được coi trọng và thực hiện đồng bộ với các đổi mới khác của Chương trình.

PPDH được đổi mới theo hướng tích cực hoá hoạt động học tập của HS, không chỉ giúp các em nhận thức mà còn trang bị, rèn luyện cho các em phương pháp nhận thức. Việc đổi mới PPDH đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, hướng dẫn triển khai từ nhiều năm học trước, ngay từ khi vẫn đang thực hiện Chương trình GDPT 2006 và trong quá trình triển khai đổi mới sang thực hiện Chương trình GDPT 2018.

Việc đổi mới PPDH theo hướng tích cực hoá hoạt động học tập của HS có nhiều thuận lợi khi cấu trúc, nội dung và hình thức của SGK mới đã có những đổi mới tạo thuận lợi cho GV triển khai. Sự phát triển của công nghệ thông tin, sự hiện đại và phong phú của các thiết bị dạy học và các thiết bị khác cũng hỗ trợ cho sự đổi mới PPDH.

Sự đổi mới quan điểm, phương pháp đánh giá kết quả học tập của HS cũng là một nhân tố thúc đẩy sự đổi mới PPDH.

Nhà trường và GV cần nắm chắc tư tưởng chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan quản lý giáo dục cấp trên qua các văn bản, hướng dẫn tổ chức thực hiện. Ngoài hướng dẫn chung, trong quá trình thực hiện, GV cũng cần căn cứ vào nội dung dạy học; căn cứ vào điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường; căn cứ vào đặc điểm nhận thức của HS để lựa chọn PPDH phù hợp.

2. Cơ sở lựa chọn phương pháp dạy học

Khi lựa chọn PPDH cần căn cứ vào một số cơ sở sau đây:

– Mục tiêu dạy học, mà cụ thể hơn chính là mục tiêu bài học. Trong Chương trình GDPT 2018, việc mô tả mục tiêu chủ yếu sử dụng động từ như “trình bày”, “nêu”, “giải thích”,... thay cho danh từ như “biết”, “hiểu”,... GV nên căn cứ theo mục tiêu của bài học mà lựa chọn những PPDH phù hợp. Việc lựa chọn PPDH cần

đảm bảo giúp HS phát triển không chỉ năng lực công nghệ mà còn góp phần phát triển các phẩm chất và năng lực chung khác. Chẳng hạn, dạy học dựa trên dự án môn Công nghệ không chỉ giúp HS phát triển thành phần năng lực công nghệ mà còn giúp HS rèn luyện phẩm chất trách nhiệm, phẩm chất chăm chỉ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

– Đặc điểm nội dung dạy học, mà cụ thể hơn là nội dung bài học, cũng là cơ sở quan trọng để lựa chọn PPDH. Ví dụ các nội dung của những bài thực hành có thể sử dụng PPDH thực hành; nội dung của một số bài học dự án tạo điều kiện cho việc phát triển kỹ năng thực hành và năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

– Điều kiện dạy học, ở đây chủ yếu đề cập tới cơ sở vật chất và thiết bị dạy học. Khi biên soạn SGK, tác giả SGK đã căn cứ theo Thông tư 38/2021/TT-BGDĐT, ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS. Do vậy, nếu nhà trường mua sắm đủ thiết bị dạy học theo Thông tư 38 nêu trên thì có đủ thiết bị dùng trong dạy học. Tuy nhiên, thực tế nhà trường có thể chưa trang bị kịp thì GV cần căn cứ vào điều kiện của nhà trường mà lựa chọn PPDH cho phù hợp. Ví dụ tùy theo số lượng thiết bị mà sử dụng cách dạy toàn lớp hoặc chia nhóm,...

– Lựa chọn PPDH cũng một phần phụ thuộc vào sở trường, quan điểm của GV. Do đó, cần phải hiểu rõ các đặc điểm, cơ hội phát triển các phẩm chất và năng lực cho HS, điều kiện áp dụng của mỗi PPDH để vận dụng phù hợp với mục tiêu đã xác định đối với một chủ đề (bài học), nội dung dạy học và các điều kiện khác (như HS, cơ sở vật chất,...).

3. Đánh giá về lựa chọn và sử dụng phương pháp dạy học

Mỗi hoạt động dạy học có mục tiêu và đặc điểm khác nhau. Do đó, cần lựa chọn PPDH phù hợp cho từng hoạt động. Đánh giá việc lựa chọn PPDH có thể sử dụng 12 tiêu chí phân tích bài học trong Công văn 5555, hoặc tập trung vào một số tiêu chí sau:

– PPDH phù hợp với nội dung dạy học, phương tiện dạy học và năng lực nhận thức của HS.

– Các hoạt động chuyên giao nhiệm vụ, tổ chức và hướng dẫn HS thực hiện, báo cáo, đánh giá,... phát huy được hứng thú, tạo động lực và điều kiện cho hoạt động nhận thức của HS.

– Phát huy được tính tích cực, chủ động, hợp tác và sáng tạo của HS.

– Hoàn thành được mục tiêu bài học, phát triển được phẩm chất và năng lực HS.



XÂY DỰNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC

1. Cơ sở lập kế hoạch dạy học

- Căn cứ vào Chương trình GDPT 2018 – Chương trình môn Công nghệ 9.
- Căn cứ theo Công văn 5512/BGDĐT–GDTH, ngày 18/12/2020 về lập kế hoạch giáo dục của GV và lập kế hoạch bài dạy; theo Thông tư 22/2021/TT–BGDĐT, ngày 20/07/2021 về đánh giá HS trong năm học.
- Căn cứ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của các cấp có thẩm quyền (văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố, của Sở/Phòng Giáo dục và Đào tạo,...).
- Căn cứ vào điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ dạy học môn học; căn cứ đội ngũ GV, đặc điểm HS của nhà trường; căn cứ kế hoạch giáo dục của nhà trường, của tổ chuyên môn.

Nhà trường và GV chủ động trong xây dựng kế hoạch, có thể điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp.

2. Kế hoạch dạy học môn Công nghệ 9 – bộ sách Cánh Diều

Theo Chương trình GDPT môn Công nghệ 2018, chương trình Công nghệ 9 có tổng thời lượng 52 tiết, trong đó phần Định hướng nghề nghiệp 17 tiết và phần mô đun 35 tiết.

Cấu trúc nội dung và yêu cầu cụ thể của kế hoạch dạy học môn học được quy định cụ thể trong Công văn 5512 nêu trên. Trong đó, nội dung về phân phối chương trình là cơ sở quan trọng nhất và được quan tâm nhiều nhất.

Trên cơ sở bám sát mục tiêu chung, mục tiêu môn học và đặc biệt là bám sát nội dung, yêu cầu cần đạt của môn Công nghệ 9 trong Chương trình môn Công nghệ 2018, sách giáo khoa Công nghệ 9 thuộc bộ sách Cánh Diều đã dự kiến phân phối chương trình dạy học phần Định hướng nghề nghiệp và các mô đun như sau:

a) Phân phối chương trình Công nghệ 9 – phần Định hướng nghề nghiệp

Bảng 7. Phân phối chương trình dạy học phần Định hướng nghề nghiệp

Chủ đề – Bài học	Số tiết
Bài 1. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ	3
Bài 2. Giáo dục kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân	2

Bài 3. Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam	2
Bài 4. Lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp	3
Bài 5. Lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ	2
Bài 6. Dự án: Đánh giá mức độ phù hợp với ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ	2
Bài Ôn tập	1
<i>Số tiết dành cho kiểm tra, đánh giá</i>	<i>2</i>
Tổng số tiết	17

b) Phân phối chương trình Công nghệ 9 – Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà

Bảng 8. Phân phối chương trình dạy học mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà

Chủ đề – Bài học	Số tiết
Bài 1. Thiết bị đóng cắt và lấy điện trong gia đình	3
Bài 2. Dụng cụ đo điện cơ bản	3
Bài 3. Thiết bị, vật liệu, dụng cụ dùng cho lắp đặt mạng điện trong nhà	3
Bài 4. Thiết kế mạng điện trong nhà	4
Bài 5. Tính toán chi phí cho mạng điện trong nhà	2
Bài 6. Thực hành lắp mạng điện trong nhà	12
Bài 7. Một số ngành nghề liên quan đến lắp đặt mạng điện trong nhà	3
Bài Ôn tập	1
<i>Số tiết dành cho kiểm tra, đánh giá</i>	<i>4</i>
Tổng số tiết	35

c) Phân phối chương trình Công nghệ 9 – Mô đun Trồng cây ăn quả

Bảng 9. Phân phối chương trình dạy học mô đun Trồng cây ăn quả

Chủ đề – Bài học	Số tiết
Chủ đề 1. Giới thiệu chung về cây ăn quả	3
Bài 1. Đặc điểm chung về cây ăn quả	3
Chủ đề 2. Các phương pháp nhân giống một số loại cây ăn quả phổ biến	6
Bài 2. Nhân giống cây ăn quả và thực hành nhân giống cây ăn quả bằng phương pháp ghép đoạn cành	2

Bài 3. Thực hành nhân giống cây ăn quả bằng phương pháp giâm cành	2
Bài 4. Thực hành nhân giống cây ăn quả bằng phương pháp chiết cành	2
Chủ đề 3. Kỹ thuật trồng và chăm sóc một số loại cây ăn quả phổ biến	19
Bài 5. Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây xoài	3
Bài 6. Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây thanh long	3
Bài 7. Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây nhãn	3
Bài 8. Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây ăn quả có múi	3
Bài 9. Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây chuối	3
Bài 10. Thực hành trồng và chăm sóc cây ăn quả	2
Bài 11. Tính toán chi phí và hiệu quả của việc trồng cây ăn quả	2
Chủ đề 4. Ngành nghề liên quan đến trồng cây ăn quả	3
Bài 12. Một số ngành nghề liên quan đến trồng cây ăn quả	3
Bài Ôn tập	1
<i>Số tiết dành cho kiểm tra, đánh giá</i>	<i>3</i>
Tổng số tiết	35

d) Phân phối chương trình Công nghệ 9 – Mô đun Chế biến thực phẩm

Bảng 10. Phân phối chương trình dạy học mô đun Chế biến thực phẩm

Chủ đề – Bài học	Số tiết
Chủ đề 1. Chất dinh dưỡng và an toàn trong chế biến thực phẩm	13
Bài 1. Vai trò của các chất dinh dưỡng trong thực phẩm	3
Bài 2. Bảo quản chất dinh dưỡng trong thực phẩm	2
Bài 3. Lựa chọn thực phẩm	2
Bài 4. Tính chi phí bữa ăn	2
Bài 5. An toàn lao động trong chế biến thực phẩm	2
Bài 6. An toàn vệ sinh thực phẩm	2

Chủ đề 2. Thực hành chế biến thực phẩm	15
Bài 7. Chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt	10
Bài 8. Chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt	5
Chủ đề 3. Ngành nghề liên quan đến chế biến thực phẩm	2
Bài 9. Một số ngành nghề liên quan đến chế biến thực phẩm	2
Bài Ôn tập	1
Số tiết dành cho kiểm tra, đánh giá	4
Tổng số tiết	35

Lưu ý: Thời lượng của môn Công nghệ 9 là 52 tiết, trong đó phần Định hướng nghề nghiệp 17 tiết và phần mô đun 35 tiết (bao gồm cả thời lượng dành cho kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ). Do đó, việc bố trí dạy phần Định hướng nghề nghiệp (1 tiết/tuần) và dạy Mô đun (2 tiết/tuần) ở học kì nào là tùy thuộc Kế hoạch giáo dục của nhà trường.



XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

1. Cấu trúc và nội dung kế hoạch bài dạy

Kế hoạch bài dạy do GV thiết kế bao gồm các hoạt động của HS và GV trong quá trình dạy học một tiết học/bài học nhằm giúp HS chiếm lĩnh được tri thức và đạt được các năng lực, phẩm chất cần thiết.

Căn cứ vào kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục được tổ chuyên môn thống nhất đề xuất và đã được Hiệu trưởng phê duyệt, GV xây dựng kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Phụ lục 4 – Công văn 5512.

Cấu trúc kế hoạch bài dạy được tóm tắt như sau:

Môn học: Công nghệ lớp 9

Tên bài học:; số tiết:

Thời gian thực hiện: Ngày tháng năm (hoặc từ .../.../... đến .../.../...)

1. Mục tiêu: Trình bày nội dung phân tích mục tiêu bài học, có thể tham khảo nội dung “Mục tiêu” trong sách giáo viên Công nghệ 9 – Cánh Diều.

2. Thiết bị dạy học và học liệu: Nêu các thiết bị, học liệu được sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho học sinh hoạt động nhằm đạt yêu cầu cần đạt của bài dạy. Có thể tham khảo nội dung “II. Thiết bị dạy học và học liệu” trong sách Giáo viên Công nghệ 9 – Cánh diều.

3. Các hoạt động dạy học chủ yếu

– *Hoạt động 1:* Khởi động: Câu hỏi Mở đầu cho bài học nhằm giúp học sinh xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập của bài học.

– *Hoạt động 2:* Hình thành kiến thức, kỹ năng mới: Câu hỏi ở dưới 2 dạng: khám phá và thực hành, nhằm giúp học sinh giải quyết vấn đề đặt ra từ Hoạt động 1.

– *Hoạt động 3:* Luyện tập: Câu hỏi giúp học sinh rèn luyện những kiến thức và kỹ năng mới của bài học.

– *Hoạt động 4:* Vận dụng: Câu hỏi giúp học sinh vận dụng những kiến thức mới trong thực tế cuộc sống.

Theo hướng dẫn trong Công văn 5512, trong mỗi hoạt động, cần thể hiện 4 nội dung sau:

a) *Mục tiêu:* Trình bày mục tiêu của hoạt động nhằm giúp HS thực hiện cái gì và đạt được cái gì.

b) *Nội dung:* Nêu rõ nội dung công việc mà HS phải thực hiện với những yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể.

c) *Sản phẩm:* Nêu rõ kết quả HS thu được và sản phẩm mà HS phải hoàn thành.

d) *Tổ chức thực hiện:* Trình bày các công việc cần thực hiện trong hoạt động đó.

Mỗi nội dung “Tổ chức thực hiện” thường gồm 4 bước cụ thể sau:

– *Giao nhiệm vụ học tập:* Trình bày cụ thể nội dung nhiệm vụ được giao cho HS (đọc/nghe/nhìn/làm) với thiết bị dạy học/học liệu cụ thể để tất cả HS đều hiểu rõ nhiệm vụ phải thực hiện.

– *Thực hiện nhiệm vụ* (HS thực hiện; GV theo dõi, hỗ trợ): Trình bày cụ thể nhiệm vụ HS phải thực hiện (đọc/nghe/nhìn/làm) theo yêu cầu của GV; dự kiến những khó khăn mà HS có thể gặp phải kèm theo biện pháp hỗ trợ; dự kiến các mức độ cần phải hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu.

– *Báo cáo, thảo luận* (GV tổ chức, điều hành; HS báo cáo, thảo luận): Trình bày cụ thể giải pháp sự phạm trong việc lựa chọn các nhóm HS báo cáo và cách thức tổ chức cho HS báo cáo (có thể chỉ chọn một số nhóm trình bày/báo cáo theo giải pháp sự phạm của GV).

– *Kết luận, nhận định*: Phân tích cụ thể về sản phẩm học tập mà HS phải hoàn thành theo yêu cầu (làm căn cứ để nhận xét, đánh giá các mức độ hoàn thành của HS trên thực tế tổ chức dạy học); làm rõ những nội dung/yêu cầu về kiến thức, kỹ năng để HS ghi nhận, thực hiện; làm rõ các nội dung/vấn đề cần giải quyết/giải thích và nhiệm vụ học tập mà HS phải thực hiện tiếp theo.

2. Một số lưu ý khi xây dựng kế hoạch bài dạy

1. Các nội dung và công việc cụ thể trong mỗi hoạt động nêu trên nhằm giúp GV hiểu được chi tiết của các công việc và ý nghĩa của chúng. Khi trình bày nội dung công việc trong mỗi hoạt động của kế hoạch bài dạy, GV chỉ cần tập trung vào 2 mục:

a) *Mục tiêu*: Nêu mục tiêu của hoạt động đó. Nội dung mục tiêu của các hoạt động cần được trình bày sao cho tổng mục tiêu các hoạt động chính là mục tiêu của bài học.

b) *Tổ chức thực hiện*: Nêu tóm tắt những công việc trong hoạt động đó.

Trong mỗi hoạt động không cần trình bày đủ 4 nội dung và trong nội dung “tổ chức thực hiện” không cần nêu đủ 4 bước cụ thể. Đây cũng chính là định hướng trong chỉ đạo chuyên môn của cơ quan quản lý cấp trên. GV có thể thấy rõ định hướng này trong sách giáo viên Công nghệ 9 – bộ sách Cánh Diều.

2. Mỗi bài dạy có thể được thực hiện trong nhiều tiết học, bảo đảm đủ thời gian dành cho mỗi hoạt động để HS thực hiện hiệu quả. Hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập cần bảo đảm yêu cầu tối thiểu về số lượng và đủ về thể loại theo yêu cầu phát triển các kỹ năng. Hoạt động vận dụng được thực hiện đối với những bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp và chủ yếu được giao cho HS thực hiện ngoài giờ học.

Ngoài các câu hỏi, nhiệm vụ, bài tập nêu trong bài học ở SGK, GV có thể đặt thêm các câu hỏi để hướng dẫn HS nhận thức, củng cố, rèn luyện được thuận lợi và hiệu quả hơn.

Mỗi bài học có 4 hoạt động chính (Khởi động; Hình thành kiến thức, kỹ năng; Luyện tập; Vận dụng) nhưng tùy theo nội dung, đặc điểm cấu trúc của bài học,... mà hoạt động Luyện tập, Vận dụng có thể được thực hiện theo từng phần nội dung.

3. Trong kế hoạch bài dạy không cần nêu cụ thể lời nói của GV, HS mà tập trung mô tả rõ hoạt động cụ thể của GV và HS: GV giao nhiệm vụ/yêu cầu/quan sát/theo dõi/hướng dẫn/nhận xét/gợi ý/kiểm tra/đánh giá; HS thực hiện đọc/nghe/nhìn/viết/trình bày/báo cáo/thí nghiệm/thực hành,...

4. Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình tổ chức các hoạt động học và được thiết kế trong kế hoạch bài dạy thông qua các hình thức: hỏi – đáp, viết, thực hành, thí nghiệm, thuyết trình, sản phẩm học tập. Đối với mỗi hình thức, khi đánh giá bằng điểm số phải thông báo trước cho HS về các tiêu chí đánh giá và định hướng cho HS tự học; chú trọng đánh giá bằng nhận xét quá trình và kết quả thực hiện của HS theo yêu cầu của câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm, thuyết trình, sản phẩm học tập đã được nêu cụ thể trong kế hoạch bài dạy.

Sau mỗi lần thực hiện, GV có thể xem xét, điều chỉnh kế hoạch bài dạy để tăng tính khả thi, hiệu quả của kế hoạch.

3. Xây dựng kế hoạch bài dạy minh hoạ

Dưới đây là ví dụ xây dựng kế hoạch bài dạy minh hoạ. Với 3 mô đun kể trên, nội dung dạy học mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà và Trồng cây ăn quả có thể đã khá quen thuộc với các thầy cô nên ở mục này xin chỉ trình bày kế hoạch bài dạy minh hoạ một bài trong phần Định hướng nghề nghiệp và một bài trong mô đun Chế biến thực phẩm.

a) Kế hoạch bài dạy trong mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà

Bài 4

LÍ THUYẾT CƠ BẢN VỀ LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP (3 tiết)



I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Một số lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp:

- Lí thuyết cây nghề nghiệp.
- Lí thuyết mật mã Holland.

2. Về năng lực

– *Năng lực công nghệ:*

+ Tóm tắt được nội dung cơ bản của lí thuyết cây nghề nghiệp.

+ Tóm tắt được nội dung cơ bản của lí thuyết mật mã Holland.

– *Năng lực tự chủ và tự học:* Hình thành phương pháp tự đọc hiểu tài liệu.

– *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Học hỏi, hỗ trợ, hợp tác với nhau để cùng thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

3. Về phẩm chất

– *Chăm chỉ:* Tích cực học tập, nghiên cứu.

– *Trách nhiệm:* Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

II.

THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Máy tính, máy chiếu hoặc màn hình hiển thị, hoặc ti vi.

– Một số hình ảnh, tranh trong Bài 4 SGK và một số hình ảnh có liên quan.

– Phiếu học tập 1 và 2.

– Phiếu trắc nghiệm sở thích, tính cách (trong bài 4, SGV).

III.

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a) *Mục tiêu:* Tạo cho HS hứng thú học tập, nghiên cứu về lí thuyết lựa chọn nghề nghiệp.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV yêu cầu HS quan sát Hình 4.1 và trả lời câu hỏi:

Theo em, khi lựa chọn nghề nên dựa vào những căn cứ nào dưới đây?

Sử dụng phiếu học tập 1

Trong phần khởi động, GV có thể đề nghị HS xung phong hoặc gọi mỗi nhóm một HS (giả sử lớp chia ra 4 nhóm). Câu trả lời của HS tùy vào quan điểm của từng em. Khi các em nêu ý kiến, GV có thể viết nhanh lên bảng hoặc làm sẵn slide và điền số trực tiếp vào máy tính để chiếu lên tivi, màn chiếu,... cho cả lớp quan sát.

GV có thể yêu cầu HS chỉ được lựa chọn 4 trong số 9 căn cứ này. Em nào đứng lên phát biểu thì GV tích vào ô đó. Cho các em phát biểu tự do theo suy nghĩ của bản thân. Sau đó căn cứ vào đó, GV dẫn dắt HS vào bài mới.

Hoặc GV phát phiếu cho HS (in trên giấy A5), cho hoạt động nhóm khoảng 2 – 3 phút rồi đọc kết quả nhóm.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức, kỹ năng

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về nội dung cơ bản của lý thuyết cây nghề nghiệp

a) *Mục tiêu:* Tóm tắt được lý thuyết cây nghề nghiệp.

b) *Tổ chức thực hiện:*

*** Nhiệm vụ 1:** Tìm hiểu nội dung cơ bản của lý thuyết cây nghề nghiệp

GV yêu cầu HS đọc nội dung tiểu mục “1. Nội dung cơ bản” trong mục “I. Lý thuyết cây nghề nghiệp” trong SGK và trả lời câu hỏi.

Em hiểu như thế nào về lý thuyết cây nghề nghiệp? Nêu ví dụ về chọn nghề theo “quả” và chọn nghề theo “rễ”.

GV tham khảo nội dung Gợi ý trả lời trong SGK để gợi ý, nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS. Trong nội dung/hoạt động này có thể tổ chức trò chơi. GV chuẩn bị sẵn 2 hình cây nghề nghiệp như Hình 4.2 nhưng không có chữ ở phần rễ và quả; 10 cặp thẻ chữ. Ví dụ 10 thẻ sau:

– Có 4 cặp thẻ “rễ”:

1. Tôi chọn nghề mà tôi yêu thích
2. Tôi chọn nghề mà tôi có khả năng học giỏi, làm giỏi.
3. Tôi chọn nghề mà người thân tôi muốn chọn.
4. Tôi có trí tưởng tượng tốt, sáng tạo, thích hội họa nên tôi chọn ngành kiến trúc.

– Có 6 cặp thẻ “quả”:

1. Tôi chọn nghề đem lại thu nhập cao.
2. Tôi chọn nghề mà người thân tôi đã chọn.
3. Tôi chọn nghề mà nhiều người hâm mộ.
4. Tôi chọn nghề có công việc ổn định.
5. Tôi chọn nghề hiện đang được nhiều cơ quan, công ty tuyển dụng.
6. Tôi chọn nghề vì lớp tôi có nhiều người đã chọn.

Chọn 2 đội chơi, mỗi đội 5 HS, mỗi HS cầm 2 thẻ. Nhóm xếp hàng dọc, lần lượt lên dính vào phần “rễ” hoặc phần “quả”. HS còn lại làm trọng tài về thời gian và kết quả. Sau khi kết thúc trò chơi, GV khẳng định thêm cho HS cần chọn nghề theo “rễ”.

*** Nhiệm vụ 2:** Tìm hiểu ý nghĩa và việc áp dụng lí thuyết cây nghề nghiệp

GV yêu cầu HS đọc nội dung tiêu mục “2. Ý nghĩa” trong mục “I. Lí thuyết cây nghề nghiệp” trong SGK. GV có thể đặt các câu hỏi:

Áp dụng lí thuyết cây nghề nghiệp trong lựa chọn nghề nghiệp như thế nào?

GV tham khảo nội dung Gợi ý trả lời trong SGK để gợi ý, nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.

Lí thuyết cây nghề nghiệp giúp các em học sinh lớp 9 rút ra được điều gì khi lựa chọn hướng đi sau tốt nghiệp trung học cơ sở?

GV tham khảo nội dung Gợi ý trả lời trong SGK để gợi ý, nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.

Kết thúc hoạt động này, GV tóm tắt lí thuyết cây nghề nghiệp: cơ sở để lựa chọn nghề nghiệp là khả năng, sở thích, cá tính và giá trị nghề nghiệp của mỗi người. Vì vậy, việc đầu tiên cần làm khi lựa chọn nghề nghiệp là phải nhận thức đầy đủ về bản thân để chọn nghề cho phù hợp.

Trong nội dung/hoạt động này có thể khai thác nội dung mục Em có biết về các môn học lựa chọn ở Bài 2 để tổ chức HS dự định chọn 4 trong số 9 môn học lựa chọn ở chương trình THPT nếu em học tiếp lên THPT. Qua đó góp phần hỗ trợ, tư vấn cho HS chuẩn bị yếu tố khả năng để lựa chọn nghề nghiệp. GV sử dụng Phiếu học tập số 2. Sau khi dành thời gian cho HS suy nghĩ, thảo luận cặp đôi, GV gọi 8 đại diện thông báo kết quả. GV đánh dấu vào bảng. Qua kết quả, GV tư vấn cho

HS nên chọn những môn học nào theo lĩnh vực ngành nghề mà em dự định. Có thể chỉ tập trung vào ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

Trong trường hợp không có máy chiếu, tivi, và hình hiển thị, GV có thể kẻ bảng theo nội dung phiếu 2 lên bảng. Khi HS trả lời, GV tích vào các ô tương ứng.

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về nội dung cơ bản của lý thuyết mật mã Holland

a) *Mục tiêu:* Tóm tắt được lý thuyết mật mã Holland.

b) *Tổ chức thực hiện:*

*** Nhiệm vụ 1:** Tìm hiểu nội dung cơ bản của lý thuyết mật mã Holland

GV yêu cầu HS đọc nội dung tiểu mục “1. Nội dung cơ bản” trong mục “II. Lý thuyết mật mã Holland” trong SGK và trả lời câu hỏi.

Kể tên các nhóm tính cách theo lý thuyết mật mã Holland.

GV tham khảo nội dung Gợi ý trả lời trong SGK để gợi ý, nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.

Để giúp HS hiểu rõ hơn về các nhóm tính cách, GV có thể đặt thêm câu hỏi. Ví dụ:

Giải thích vị trí sắp xếp của các nhóm tính cách trên Hình 4.3.

GV tham khảo nội dung Gợi ý trả lời trong SGK để gợi ý, nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.

GV cũng có thể hỏi HS về ảnh hưởng của tính cách tới việc lựa chọn và phát triển nghề nghiệp.

*** Nhiệm vụ 2:** Tìm hiểu ý nghĩa và việc áp dụng lý thuyết mật mã Holland

GV yêu cầu HS đọc nội dung tiểu mục “2. Ý nghĩa” trong mục “II. Lý thuyết mật mã Holland” trong SGK và trả lời câu hỏi.

Từ lý thuyết Holland, em rút ra được điều gì khi lựa chọn nghề nghiệp cho bản thân?

GV tham khảo nội dung Gợi ý trả lời trong SGK để gợi ý, nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.

– GV có thể đặt thêm câu hỏi:

Lý thuyết mật mã Holland giúp các em học sinh lớp 9 rút ra được điều gì khi lựa chọn hướng đi sau tốt nghiệp trung học cơ sở?

GV tham khảo nội dung Gợi ý trả lời trong SGK để gợi ý, nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.

– Kết thúc hoạt động này, GV tóm tắt lí thuyết mật mã của Holland: mỗi người có một tính cách nổi trội, phù hợp với một số nghề nghiệp nhất định. Nếu chọn được công việc phù hợp với tính cách của mình thì bản thân sẽ có nhiều niềm vui, dễ phát triển và thành công trong nghề nghiệp.

Tương tự như với các hoạt động trên, GV có thể thiết kế thêm hoạt động cho HS làm việc cá nhân, nhóm, lớp để hiểu rõ hơn ý nghĩa của lí thuyết mật mã Holland. Hoặc GV giải thích thêm cho HS về lí thuyết hệ thống như gợi ý trong SGK.

Hoạt động 3: Luyện tập

a) *Mục tiêu:* Củng cố, hệ thống hoá kiến thức về lí thuyết lựa chọn nghề nghiệp.

b) *Tổ chức thực hiện:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS, đọc lại nội dung Bài 4 SGK; làm việc cá nhân hoặc theo nhóm để thực hiện công việc được nêu trong hoạt động luyện tập.

Hãy tóm tắt nội dung cơ bản của lí thuyết cây nghề nghiệp và lí thuyết mật mã Holland.

GV tham khảo nội dung Gợi ý trả lời trong SGK để gợi ý, nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.

Giải quyết bài tập 2 tình huống của bạn T và H:

– Hai người H và T thuộc nhóm tính cách nào?

– Tình huống nào là chọn nghề theo “quả”, tình huống nào là chọn nghề theo “rễ”?

GV tham khảo nội dung Gợi ý trả lời trong SGK để gợi ý, nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.

– GV có thể đưa ra bài tập để HS luyện tập thêm. Ví dụ:

Lí thuyết cây nghề nghiệp và lí thuyết mật mã Holland có điểm chung là đưa ra lời khuyên cho con người nên lựa chọn nghề nghiệp như thế nào?

GV tham khảo nội dung Gợi ý trả lời trong SGK để gợi ý, nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.

Kết quả trên Bảng 4.2 chỉ ra em thuộc nhóm tính cách nào.

Lí thuyết mật mã Holland đưa ra một số luận điểm rất có giá trị trong hướng nghiệp, trong đó có 2 luận điểm cơ bản là: *Nếu một người chọn được công việc phù hợp với tính cách của họ thì họ sẽ dễ dàng phát triển và thành công trong nghề nghiệp (những người làm việc trong môi trường tương tự như tính cách của mình hầu hết sẽ thành công và hài lòng với công việc); Hầu như ai cũng có thể được xếp vào 1 trong 6 kiểu tính cách và có 6 môi trường hoạt động tương ứng với 6 kiểu tính cách.* Nội dung cơ bản của 6 nhóm tính cách theo lí thuyết mật mã Holland được thể hiện trong Hình 4.3 và Bảng 4.1 trong SGK.

Trong thực tế, tính cách của nhiều người không nằm trọn trong một nhóm tính cách mà thường là sự kết hợp của 2 nhóm tính cách, có khi còn nhiều hơn. Do đó, khi tìm hiểu bản thân có thể phải xem xét nhiều hơn một nhóm tính cách để thực sự xác định được nhóm nào phù hợp với mình hơn.

GV có thể nêu một số trường hợp đặc biệt như trình bày trong SGK.

– Sau hoạt động Luyện tập, GV củng cố kiến thức của bài học theo nội dung mục “Kiến thức cốt lõi”. Đó là những nội dung chính HS cần nắm chắc theo các tiêu chí nêu trong mục tiêu của bài học.

Hoạt động 4: Vận dụng

a) *Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức đã học về lí thuyết lựa chọn nghề nghiệp vào việc định hướng lựa chọn trong học tập và lựa chọn nghề nghiệp cho bản thân.

b) *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động này được tổ chức ngoài giờ lên lớp, giao cho HS về nhà thực hiện nhiệm vụ:

Dựa vào lí thuyết mật mã Holland, em hãy tự xác định nhóm tính cách của bản thân và kể tên một số công việc phù hợp với nhóm tính cách đó. Báo cáo kết quả với thầy cô.

GV tham khảo nội dung Gợi ý trả lời trong SGK để gợi ý, nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.

Kết thúc bài học, GV dặn dò HS học tập ở nhà:

1. Xem lại nội dung bài. Ghi nhớ nội dung trong mục “Kiến thức cốt lõi”.
2. Tìm hiểu và xác định khả năng, sở thích, cá tính của bản thân.
3. Đọc trước nội dung Bài 5.

PHỤ LỤC

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

CĂN CỨ LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP

Căn cứ	Ý kiến 1	Ý kiến 2	Ý kiến 3	Ý kiến 4
1. Lương cao				
2. Công việc ổn định				
3. Môi trường làm việc tốt				
4. Được nhiều người tôn trọng				
5. Cơ hội việc làm (cao)				
6. Khả năng				
7. Sở thích				
8. Cá tính				
9. Giá trị nghề nghiệp				

Ghi chú: 9 căn cứ trên đây được nêu trong câu hỏi khởi động.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

CHỌN MÔN HỌC LỰA CHỌN TRONG CHƯƠNG TRÌNH THPT

(Mỗi học sinh chỉ lựa chọn 4 trong số 9 môn học dưới đây.

Môn học	HS1	HS2	HS3	HS4	HS5	HS6	HS7	HS8
1. Âm nhạc								
2. Công nghệ								
3. Địa lí								
4. GD KT&PL								

5. Hoá học

6. Mĩ thuật

7. Sinh học

8. Tin học

9 Vật Lí

Ghi chú: Mỗi HS hoặc đại diện nhóm chỉ chọn 4 trong số 9 môn trong bảng.

b) Kế hoạch bài dạy trong mô đun Chế biến thực phẩm

Bài 6

AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM (2 tiết)



I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Mối nguy an toàn thực phẩm; nhóm mối nguy, hậu quả khi tiếp xúc với mối nguy an toàn thực phẩm.
- Phòng ngừa các mối nguy an toàn thực phẩm trong quá trình chế biến thực phẩm.

2. Về năng lực

Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ:
- + Trình bày được khái niệm về mối nguy an toàn thực phẩm, nhóm mối nguy và mối nguy chính; hậu quả khi tiếp xúc với mối nguy.

+ Trình bày được cách phòng ngừa các mối nguy an toàn thực phẩm trong quá trình chế biến thực phẩm.

+ Từ việc nhận thức được nguồn gốc và hậu quả của các mối nguy an toàn thực phẩm mà HS đề xuất và giải thích được cơ sở khoa học của các biện pháp phòng ngừa các mối nguy an toàn thực phẩm.

– Đánh giá công nghệ: Đánh giá được cách thức thực hiện an toàn vệ sinh thực phẩm trong chế biến thực phẩm ở gia đình học sinh.

Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, tài liệu giáo viên cung cấp tìm hiểu về an toàn vệ sinh thực phẩm.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập và giải quyết các tình huống trong nội dung an toàn thực phẩm.

3. Về phẩm chất

– Chăm chỉ: Tích cực học tập, nghiên cứu.

– Trách nhiệm: Hoàn thành tốt các nhiệm vụ nêu ra trong bài học, có ý thức thực hiện an toàn vệ sinh trong chế biến thực phẩm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

– SGK Công nghệ 9 – mô đun Chế biến thực phẩm, bộ sách Cánh Diều, giáo án.

– Một số ảnh trong Bài 6, SGK Công nghệ 9 – mô đun Chế biến thực phẩm, bộ sách Cánh Diều.

– Máy tính, máy chiếu hoặc màn hình hiển thị hoặc ti vi.

– Tranh ảnh; sơ đồ; mẫu vật; phiếu học tập về nội dung bài học.

– Video về mất an toàn vệ sinh thực phẩm.

– Video về 10 nguyên tắc vàng của WHO về an toàn vệ sinh thực phẩm theo đường link: <https://www.youtube.com/watch?v=dpt18Nli8os>

2. Chuẩn bị của học sinh

- SGK, SBT Công nghệ 9 – mô đun Chế biến thực phẩm, bộ sách Cánh Diều.
- Đọc trước bài học trong SGK.
- Tìm kiếm và đọc trước các tài liệu có liên quan đến nội dung bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a) *Mục tiêu:* Tạo hứng thú cho HS học tập, xác định được nhu cầu tìm hiểu những yếu tố gây mất an toàn lao động trong chế biến thực phẩm.

b) *Tổ chức thực hiện:*

GV có thể lựa chọn một hoặc một số hoạt động sau để tổ chức hoạt động khởi động.

1) GV chiếu hình ảnh một số yếu tố chưa đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm như trong Hình 6.1 SGK và yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Yếu tố nào chưa đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong Hình 6.1? Giải thích.

Gợi ý trả lời:

Hình 6.1 mô tả nhiều hình ảnh chưa đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm như:

- Thịt sống bị ruồi bám ở trên (mối nguy vật lí nếu là ruồi chết/xác ruồi; mối nguy sinh học nếu là ruồi sống).
- Thịt bị nhiễm vi sinh vật (mối nguy sinh học).
- Rau sống gần thu hoạch bị phun thuốc trừ sâu (mối nguy hoá học).

2) GV có thể cho học sinh thực hiện hoạt cảnh về mất an toàn vệ sinh thực phẩm (2 – 3 học sinh).

- GV giới thiệu hoạt cảnh.
- HS thực hiện hoạt cảnh.

- HS thảo luận được nhiệm vụ được giao.
- HS trả lời các câu hỏi dựa vào khả năng hiểu biết của mình.
- GV chốt ý và dẫn dắt vào bài, nêu mục tiêu bài Bài 6. An toàn vệ sinh thực phẩm.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức, kỹ năng

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về nhóm các yếu tố gây mất an toàn vệ sinh thực phẩm

a) *Mục tiêu:* Thông qua các hoạt động, học sinh trình bày được nhóm tác nhân gây mất an toàn vệ sinh thực phẩm và hậu quả gặp phải khi tiếp xúc với mối nguy đó.

b) *Tổ chức thực hiện:*

- GV xây dựng phiếu học tập (phụ lục và tờ nguồn số 1, 2, 3).
- GV yêu cầu HS trình bày hiểu biết về “Mối nguy an toàn thực phẩm”. (phần này đã được GV giao từ buổi trước cho HS về tìm hiểu).
- GV yêu cầu HS quan sát Hình 6.2, 6.3, 6.4 SGK. GV tổ chức lớp học thành 03 nhóm hoạt động theo hình thức nhóm chuyên gia, mảnh ghép để tìm hiểu kiến thức về các mối nguy an toàn vệ sinh thực phẩm.

Nhóm HS 1: Tìm hiểu về mối nguy sinh học. GV đưa ra các câu hỏi:

(1) Rau, quả sát ngày thu hoạch vẫn được bón phân hữu cơ và tưới nước từ mương có chứa những mối nguy sinh học nào? Nêu rõ nguồn gốc của chúng.

Gợi ý trả lời: Rau, quả sát ngày thu hoạch vẫn được bón phân hữu cơ và tưới nước từ mương có chứa những mối nguy sinh học như vi khuẩn, vi nấm, virus, kí sinh trùng. Các vi sinh vật này tồn tại rất nhiều trong nước thải, rác thải và đặc biệt nhiều trong phân hữu cơ.

(2) Mối nguy sinh học gồm những loại chính nào? Có thể gặp ở đâu? Hậu quả khi tiếp xúc với các mối nguy này là như thế nào?

Gợi ý trả lời:

- Mối nguy sinh học bao gồm virus, vi khuẩn, kí sinh trùng. Các sinh vật này xuất phát từ nhiều nguồn khác nhau.
- Mối nguy sinh học có thể gặp trong đất; trong nước; trong không khí; trong và trên cơ thể người, vật nuôi; trong chất thải của người, vật nuôi; trên thực phẩm chưa nấu kỹ,...

- Hậu quả: Tùy thuộc vào loại sinh vật và mức độ nhiễm, có thể gây ra một số bệnh cho con người thông qua thực phẩm như: bệnh đường ruột; viêm gan A, E; bệnh giun, sán; bệnh truyền nhiễm khác; ngộ độc thực phẩm; tử vong.

Nhóm HS 2: Tìm hiểu về mối nguy hoá học. GV đưa ra các câu hỏi:

(1) Thực phẩm có thể nhiễm hoá chất hoặc sinh ra chất độc trong quá trình chế biến gây hại cho người sử dụng không? Các chất đó có thể xuất phát từ đâu?

Gợi ý trả lời:

- Thực phẩm có thể dễ dàng bị nhiễm hoá chất do nguyên liệu ban đầu được nuôi, trồng chưa đúng cách nên bị tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, hoặc tồn dư kháng sinh, hoặc bị nhiễm độc tố vi sinh vật, hoặc bản thân nguyên liệu chứa các chất độc gây phản ứng cho cơ thể con người.
- Trong quá trình chế biến nếu gia nhiệt quá cao khi rang, nướng cũng gây ra các chất hoá học như acrylamide ảnh hưởng xấu tới sức khoẻ.

(2) Mối nguy hoá học gồm những loại chính nào? Hậu quả khi tiếp xúc với các mối nguy này là như thế nào?

Gợi ý trả lời:

- Mối nguy hoá học có thể gặp như: chất phụ gia sử dụng không trong danh mục cho phép hoặc sử dụng quá liều; thuốc kháng sinh tồn dư trong thực phẩm; thuốc bảo vệ thực vật; hoá chất tẩy rửa; độc tố nấm mốc; chất độc có sẵn trong động vật hay thực vật; chất độc sinh ra trong quá trình chế biến.
- Hậu quả: Tùy theo loại hoá chất và mức độ nhiễm độc có thể gây ra rối loạn tiêu hoá và thần kinh; buồn nôn, đau bụng, chóng mặt, nhức đầu, tiêu chảy; kháng kháng sinh, rối loạn sinh trưởng; co giật, ảo giác, tê liệt; ung thư; tử vong.

Nhóm HS 3: Tìm hiểu về mối nguy vật lí. GV đưa ra các câu hỏi:

(1) Quá trình phơi thóc hoặc hạt trên đường hay trong sân có thể bị nhiễm các dị vật nào?

Gợi ý trả lời: Quá trình phơi thóc hoặc hạt trên đường hay trong sân dễ dàng nhiễm các dị vật như bụi, cát, sỏi, mảnh kim loại, mảnh thủy tinh, rơm, rác,...

(2) Mối nguy vật lí gồm những loại chính nào? Hậu quả khi tiếp xúc với các mối nguy này là như thế nào?

Gợi ý trả lời:

- Mối nguy vật lí gây nên bởi các dị vật (vật lạ) như mảnh kim loại, thủy tinh, sạn, đất, sỏi, mảnh gỗ, xương, lông, tóc, móng, phân chuột, xác côn trùng,... bị lẫn vào trong thực phẩm.
- Hậu quả: Tùy thuộc vào loại dị vật và mức độ tác động, có thể gây mùi, vị khó chịu; mẻ răng, gãy răng; hóc; tổn thương niêm mạc miệng, dạ dày, ruột;...
 - GV mời đại diện nhóm HS lần lượt lên trình bày kết quả thảo luận.
 - GV mời HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.
 - GV nhận xét, sử dụng thêm một vài câu hỏi nhỏ khắc sâu và mở rộng kiến thức về mối nguy; kết luận và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2: Hướng dẫn phòng ngừa mối nguy an toàn thực phẩm

a) *Mục tiêu:* Thông qua hoạt động, HS trình bày được các biện pháp có thể phòng tránh các mối nguy an toàn thực phẩm.

b) *Tổ chức thực hiện:*

- GV cho HS khai thác kênh hình, kênh chữ trong nội dung mục “II. Hướng dẫn phòng ngừa các mối nguy an toàn thực phẩm” trong SGK, thảo luận nhóm hình thành kiến thức.
- GV tổ chức lớp học thành 3 nhóm hoạt động theo hình thức nhóm với kĩ thuật khăn trải bàn (hoạt động cá nhân kết hợp với hoạt động nhóm) để tìm hiểu kiến thức về hướng dẫn phòng ngừa các mối nguy an toàn vệ sinh thực phẩm.

Nhóm HS 1: Tìm hiểu cách phòng ngừa mối nguy sinh học. GV đưa ra các câu hỏi:

(1) Để phòng ngừa nguy hiểm do mối nguy sinh học chúng ta cần làm gì?

Gợi ý trả lời: Để phòng ngừa nguy hiểm do mối nguy sinh học, có thể thực hiện như sau:

- Thường xuyên kiểm tra và giữ bề mặt vật dụng sạch sẽ.
- Sử dụng nước sạch để chế biến thực phẩm.
- Nấu chín thức ăn. Không để thức ăn ở nhiệt độ thường quá 2 giờ. Giữ thức ăn nóng trên 60°C hoặc lạnh dưới 5°C.

- Bảo quản thực phẩm lạnh dưới 5°C và các thực phẩm đông lạnh dưới -18°C.
- Bảo quản riêng các thực phẩm thực vật, động vật, thực phẩm sống, chín.
- Sử dụng thớt, dao,... riêng cho thực phẩm thực vật, động vật, thực phẩm sống, chín.
- Mặc quần áo, cuốn tóc gọn gàng, có bảo hộ khi làm việc với các đồ cay, nóng, bắn,...
- Rửa tay trước và sau khi chế biến thực phẩm, trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh, ho, hắt hơi,...
- Sử dụng băng không thấm nước để che vết thương hoặc vết bỏng.
- Sử dụng khăn sạch và riêng biệt để lau tay, bề mặt đồ dùng.
- Có thùng rác chuyên biệt, có nắp đậy. Đổ rác thường xuyên.
- Không tham gia chế biến thức ăn khi cơ thể bị ốm, mệt.

(2) Em và những người trong gia đình đã thực hiện được bao nhiêu điều theo hướng dẫn trên?

Gợi ý trả lời: GV cho HS trả lời trước lớp hoặc chia sẻ với các bạn trong nhóm. Từ đó, cho các nhóm lựa chọn ra HS thực hiện được nhiều hướng dẫn nhất để biểu dương trước lớp, động viên các bạn khác làm theo.

Nhóm HS 2: Tìm hiểu cách phòng ngừa môi nguy hoá học. GV đưa ra các câu hỏi:

(1) Để phòng ngừa nguy hiểm do môi nguy hoá học chúng ta cần làm gì?

Gợi ý trả lời:

Để phòng ngừa nguy hiểm do môi nguy hoá học, có thể thực hiện như sau:

- Để nguyên liệu củ, quả, hạt và vật chứa nông sản ở những nơi sạch, khô, ráo, thoáng mát để tránh nấm mốc phát triển sinh độc tố.
- Mua thực phẩm có bao bì, có địa chỉ rõ ràng và lưu ý xem hạn sử dụng.
- Sử dụng chất tạo màu tự nhiên từ thực vật thay thế chất tạo màu nhân tạo.
- Sử dụng chất tẩy rửa có nguồn gốc tự nhiên.
- Hạn chế ăn thực phẩm chiên, rang, nướng ở nhiệt độ cao trong thời gian dài vì sẽ tích tụ nhiều chất acrylamide gây ung thư.
- Không ăn khoai tây mọc mầm hoặc có các đốm xanh (chứa chất độc solanine, chaconine); măng, sắn chưa luộc kỹ (chứa chất cyanide); hạnh nhân và một số hạt họ đậu chưa rang kỹ (chứa lectin).

- Không ăn cóc (độc tố bufotoxine), cá nóc (độc tố tetrodotoxin), bạch tuộc vòng xanh (độc tố tetrodotoxin, histamine, tryptamine,...).

(2) Cần lưu ý gì trong lựa chọn, bảo quản và chế biến thực phẩm để tránh những mối nguy hoá học?

Gợi ý trả lời: Cách phòng ngừa cũng tương tự như phòng ngừa mối nguy hoá học ở trên.

(3) Nhiều HS rất thích ăn đồ ăn vặt ngoài đường, hãy quan sát một số quán ăn ven đường và kể các mối nguy có thể nhận diện được.

Gợi ý trả lời: HS tự quan sát, liên kết với những gì mình đã học để liệt kê các mối nguy em nhận diện được.

Nhóm HS 3: Tìm hiểu cách phòng ngừa mối nguy vật lí. GV đưa ra câu hỏi: Để phòng ngừa nguy hiểm do mối nguy vật lí, cần thực hiện các biện pháp nào?

Gợi ý trả lời:

- Sàng, nhặt, rửa sạch nguyên liệu trước khi chế biến để tránh sạn, cát, đá và dị vật khác.
 - Giữ vệ sinh nhà bếp để tránh chuột, các loại côn trùng,...
 - Mặc quần áo gọn gàng, sạch sẽ và giữ gọn tóc khi nấu ăn.
 - Bao chụp đèn trong bếp để tránh việc rơi vỡ.
- GV hướng dẫn, theo dõi và hỗ trợ HS nếu cần thiết.
- GV mời đại diện nhóm HS lần lượt lên trình bày kết quả thảo luận.
- GV mời HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, sử dụng thêm một vài câu hỏi nhỏ khác sâu và mở rộng kiến thức về mối nguy; kết luận và chốt kiến thức.

Hoạt động 3: Luyện tập

a) *Mục tiêu:* Củng cố, hệ thống hoá kiến thức để nhận biết được các yếu tố gây mất an toàn thực phẩm, đặc điểm của các mối nguy đó, biện pháp phòng ngừa và ý nghĩa.

b) Tổ chức thực hiện:

- GV lần lượt đưa ra từng câu hỏi tình huống, yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

(1) Người bị tiêu chảy, sốt virus có nên nấu ăn cho những người khác không?
Giải thích.

Gợi ý trả lời: Người bị tiêu chảy, sốt virus không nên nấu ăn vì cơ thể đang chứa rất nhiều các mầm bệnh nguy hiểm. Việc nấu ăn cho nhiều người có thể gây nên hiện tượng nhiễm chéo vi sinh vật từ người bệnh sang người lành thông qua việc chuẩn bị các món ăn.

(2) Để hạn chế nhiễm chất độc hoá học sinh ra trong quá trình chế biến (rang, nướng, chiên) ở nhiệt độ cao, em cần thay đổi cách chế biến thực phẩm trong gia đình như thế nào?

Gợi ý trả lời: HS có thể đề xuất chuyển đổi việc chế biến thành các món hấp, luộc, hầm.

- GV mời các đại diện HS trả lời câu hỏi, nhận xét câu trả lời.
- Sau khi HS trả lời, GV tổng hợp và nhận xét, giải thích thêm (nếu cần).
- Sau hoạt động Luyện tập, GV củng cố kiến thức của bài học theo nội dung mục “Kiến thức cốt lõi”. Đó là những nội dung chính HS cần nắm chắc theo các tiêu chí nêu trong mục tiêu của bài học.

Hoạt động 4: Vận dụng

a) *Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức đã học để xác định yếu tố gây nguy hiểm, giải thích các hoạt động mất an toàn thực phẩm và đề xuất biện pháp phòng ngừa tại gia đình và địa phương.

b) Tổ chức thực hiện:

- GV đưa ra các câu hỏi tình huống trong bảng ở trang 33 SGK.

(1) Quan sát quá trình chế biến thực phẩm ở gia đình em và đánh giá ý thức thực hiện an toàn vệ sinh thực phẩm theo mẫu sau.

STT	Tình huống	An toàn		Giải thích	Đề xuất giải pháp
		Có	Không		
1	Dùng thớt bị nứt, bị mốc để cắt, thái thực phẩm	?	?	?	?
2	Dùng chung thớt để cắt thái thực phẩm sống và chín	?	?	?	?
3	Rửa rau sống không kỹ	?	?	?	?
4	Rửa hạt bị mốc rồi nấu ăn	?	?	?	?
5	Ăn đậu, đỗ chưa nấu chín kỹ	?	?	?	?
6	Dùng chung khăn lau tay cho nhiều người	?	?	?	?
7	Ăn nhiều thức ăn sẵn bán ở vỉa hè	?	?	?	?
8	Ăn nhiều thực phẩm chiên	?	?	?	?
9	Diệt chuột, gián bằng bả, thuốc hoá học	?	?	?	?
10	Đeo trang sức, để móng tay dài khi sơ chế thực phẩm và nấu ăn	?	?	?	?

- GV mời các đại diện HS trả lời câu hỏi, nhận xét câu trả lời.
- Sau khi HS trả lời, GV tổng hợp và nhận xét, giải thích thêm (nếu cần).
- GV đưa thêm 2 tình huống khác để HS phân tích và nộp lại bài làm vào buổi học tiếp theo.
- HS lắng nghe và tiếp nhận nhiệm vụ.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và báo cáo lại cho GV vào buổi học tiếp theo.
- GV nhận xét, đánh giá và chốt lại kiến thức bài học. Cho HS xem video về 10 nguyên tắc vàng của WHO về an toàn vệ sinh thực phẩm theo đường link sau:

<https://www.youtube.com/watch?v=dpt18Nli8os>

Hướng dẫn về nhà

- Ôn lại kiến thức đã học.
- Đọc và tìm hiểu trước *Bài 7. Chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt*

PHỤ LỤC

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhóm:.....

Lớp:

Chủ đề: MỐI NGUY.....

Tiêu đề	Nội dung
Khái niệm	
Hậu quả	
Biện pháp phòng trừ (HS ghi tối thiểu 5 biện pháp)	
Một số đề xuất	
Đặc điểm chính của mối nguy (kiến thức cốt lõi)	

TỜ NGUỒN SỐ 1

Chủ đề: MỐI NGUY SINH HỌC

Tiêu đề	Nội dung
Khái niệm	– Mối nguy sinh học bao gồm: virus, vi khuẩn, kí sinh trùng. – Ví dụ: + Sán lá gan, sán dây,... + Virus gây viêm gan A, virus gây viêm dạ dày ruột... + Vi khuẩn <i>Salmonella</i>, <i>E.coli</i>,... – Nguồn chứa: nhiều nguồn khác nhau như trong đất; trong nước; trong không khí; trong và trên cơ thể người, vật nuôi; trong chất thải của người, vật nuôi; trên thực phẩm chưa nấu kỹ, trong vật dụng nhà bếp,...

Hậu quả	Tùy thuộc vào loại sinh vật và mức độ nhiễm, có thể gây ra một số bệnh cho con người thông qua thực phẩm như: bệnh đường ruột; viêm gan A, E; bệnh giun, sán; bệnh truyền nhiễm khác; ngộ độc thực phẩm; tử vong.
Biện pháp phòng trừ	<i>(HS đưa ra tối thiểu 5 biện pháp)</i> – Thường xuyên kiểm tra và giữ bề mặt vật dụng sạch sẽ. – Sử dụng nước sạch để chế biến thực phẩm. – Nấu chín thức ăn. Không để thức ăn ở nhiệt độ thường quá 2 giờ. Giữ thức ăn nóng trên 60°C hoặc lạnh dưới 5°C. – Bảo quản thực phẩm lạnh dưới 5°C và các thực phẩm đông lạnh dưới -18°C. – Bảo quản riêng các thực phẩm thực vật, động vật, thực phẩm sống, chín. – Sử dụng thớt, dao,... riêng cho thực phẩm thực vật, động vật, thực phẩm sống, chín. – Mặc quần áo, cuốn tóc gọn gàng, có bảo hộ khi làm việc với các đồ cay, nóng, bẩn,... – Rửa tay trước và sau khi chế biến thực phẩm, trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh, ho, hắt hơi,... – Sử dụng băng không thấm nước để che vết thương hoặc vết bong. – Sử dụng khăn sạch và riêng biệt để lau tay, bề mặt đồ dùng. – Có thùng rác chuyên biệt, có nắp đậy. Đổ rác thường xuyên. – Không tham gia chế biến thức ăn khi cơ thể bị ốm, mệt.
Một số đề xuất	
Đặc điểm của mối nguy (phần kiến thức cốt lõi)	Mối nguy sinh học thường tiềm ẩn, xuất hiện bất ngờ, có khả năng lây truyền và nhiễm chéo. Cần nhận biết được mối nguy đó để sử dụng biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa, phòng tránh, giảm thiểu nguy cơ có thể xảy ra khi mua, bán, sơ chế, chế biến, bảo quản và sử dụng thực phẩm.

TỜ NGUỒN SỐ 2

Chủ đề: MỐI NGUY HOÁ HỌC

Tiêu đề	Nội dung
Khái niệm	– Mối nguy hoá học bao gồm các chất phụ gia sử dụng không trong danh mục cho phép hoặc sử dụng quá liều; thuốc kháng sinh tồn dư trong thực phẩm; thuốc bảo vệ thực vật; hoá chất tẩy rửa; độc tố nấm mốc; chất độc có sẵn trong động vật hay thực vật; chất độc sinh ra trong quá trình chế biến. – Ví dụ: + Thuốc trừ sâu.
	+ Độc tố bufotoxine (cóc), độc tố tetrodotoxin (cá nóc),... + Chất độc solanine, chaconine (khoai tây mọc mầm/đốm xanh của khoai tây), cyanide (sắn chưa luộc kĩ),... + Chất độc acrylamide sinh ra trong quá trình rang, nướng, chiên ở nhiệt độ cao,...
Hậu quả	Tuỳ theo loại hoá chất và mức độ nhiễm độc có thể gây ra rối loạn tiêu hoá và thần kinh; buồn nôn, đau bụng, chóng mặt, nhức đầu, tiêu chảy; kháng kháng sinh, rối loạn sinh trưởng; co giật, ảo giác, tê liệt; ung thư; tử vong.
Biện pháp phòng trừ	(HS đưa ra tối thiểu 5 biện pháp) – Để nguyên liệu củ, quả, hạt và vật chứa nông sản ở những nơi sạch, khô, ráo, thoáng mát để tránh nấm mốc phát triển sinh độc tố. – Mua thực phẩm có bao bì, có địa chỉ rõ ràng và lưu ý xem hạn sử dụng. – Nên sử dụng chất tạo màu tự nhiên từ thực vật thay thế chất tạo màu nhân tạo. – Sử dụng chất tẩy rửa có nguồn gốc tự nhiên. – Hạn chế ăn thực phẩm chiên, rang, nướng ở nhiệt độ cao trong thời gian dài vì sẽ tích tụ nhiều chất acrylamide gây ung thư. – Không ăn khoai tây mọc mầm hoặc có các đốm xanh (chứa chất độc solanine, chaconine), măng, sắn chưa luộc kĩ (chứa chất cyanide); hạnh nhân và một số hạt họ đậu chưa rang kĩ (chứa lectin). – Không ăn cóc (độc tố bufotoxine), cá nóc (độc tố tetrodotoxin), bạch tuộc vòng xanh (độc tố tetrodotoxin, histamine, tryptamine,...).
Một số đề xuất	

Đặc điểm của mỗi nguy (phần kiến thức cốt lõi)	Mỗi nguy hoá học thường tiềm ẩn, xuất hiện bất ngờ. Cần nhận biết được mỗi nguy đó để sử dụng biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa, phòng tránh, giảm thiểu nguy cơ có thể xảy ra khi mua, bán, sơ chế, chế biến, bảo quản và sử dụng thực phẩm.
---	--

TỜ NGUỒN SỐ 3

Chủ đề: MÔI NGUY VẬT LÝ

Tiêu đề	Nội dung
Khái niệm	– Mỗi nguy vật lý gây nên bởi các dị vật (vật lạ) bị lẫn vào trong thực phẩm.
	– Ví dụ: mảnh kim loại, thuỷ tinh, sạn, đất, sỏi, mảnh gỗ, xương, lông, tóc, móng, phân chuột, xác côn trùng, ...
Hậu quả	Tuỳ thuộc vào loại dị vật và mức độ tác động, có thể gây mùi, vị khó chịu; mẻ răng, gãy răng; hóc; tổn thương niêm mạc miệng, dạ dày, ruột;...
Biện pháp phòng trừ	(HS đưa ra 5 biện pháp bất kì) – Sàng, nhặt, rửa sạch nguyên liệu trước khi chế biến để tránh sạn, cát, đá và dị vật khác. – Giữ vệ sinh nhà bếp để tránh chuột, các loại côn trùng... – Mặc quần áo gọn gàng, sạch sẽ và giữ gọn tóc khi nấu ăn. – Bao chụp đèn trong bếp để tránh việc rơi vỡ.
Một số đề xuất	
Đặc điểm của mỗi nguy (phần kiến thức cốt lõi)	Mỗi nguy vật lý thường tiềm ẩn, xuất hiện bất ngờ. Cần nhận biết được mỗi nguy đó để sử dụng biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa, phòng tránh, giảm thiểu nguy cơ có thể xảy ra khi mua, bán, sơ chế, chế biến, bảo quản và sử dụng thực phẩm.

Kế hoạch bài dạy trên đây chỉ là một ví dụ minh họa, trong quá trình dạy học, GV căn cứ vào điều kiện cơ sở vật chất, đặc điểm nhận thức của HS và điều kiện, bối cảnh của nhà trường, địa phương; đặc biệt là căn cứ vào năng lực sư phạm của bản thân để xây dựng kế hoạch dạy học sao cho việc tổ chức thực hiện được phù hợp và hiệu quả.



ĐỊNH HƯỚNG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

1. Hướng dẫn chung về đánh giá kết quả học tập

Đánh giá HS trung học được quy định trong Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT, ngày 20/07/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mục đích đánh giá: Đánh giá nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình GDPT 2018; cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để HS điều chỉnh hoạt động rèn luyện và học tập, cán bộ quản lý giáo dục và GV điều chỉnh kế hoạch và hoạt động dạy học.

Yêu cầu đánh giá:

- Đánh giá căn cứ vào yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình GDPT 2018.
- Đánh giá bảo đảm tính chính xác, toàn diện, công bằng, trung thực và khách quan.
- Đánh giá bằng nhiều phương pháp, hình thức, kỹ thuật và công cụ khác nhau; kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.
- Đánh giá vì sự tiến bộ của HS; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong rèn luyện và học tập của HS; không so sánh HS với nhau.

Việc đánh giá kết quả học tập của HS trung học bao gồm đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

a) Đánh giá thường xuyên

Đánh giá thường xuyên là hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HS diễn ra trong quá trình thực hiện hoạt động dạy học theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình GDPT 2018; cung cấp thông tin phản hồi cho GV và HS để kịp thời điều chỉnh trong quá trình dạy học; hỗ trợ, thúc đẩy sự tiến bộ của HS; xác nhận kết quả đạt được của HS trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ rèn luyện và học tập.

Đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua: hỏi – đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập.

Theo Thông tư 22, với môn Công nghệ 9, mỗi HS phải có 3 điểm đánh giá thường xuyên trong một học kì.

b) Đánh giá định kì

Đánh giá định kì là hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện và học tập sau một giai đoạn trong năm học nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình GDPT 2018; cung cấp thông tin phản hồi cho cán bộ quản lí giáo dục, GV, HS để điều chỉnh hoạt động dạy và học; xác nhận kết quả đạt được của HS.

Theo Thông tư 22, với môn Công nghệ 9, mỗi HS phải có 4 điểm đánh giá định kì trong năm học. Trong đó, bao gồm các điểm đánh giá giữa kì I, cuối kì I, giữa kì II và cuối kì II (cuối năm học), được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

Thời gian làm bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đối với môn học có từ 70 tiết/năm học trở xuống là 45 phút.

Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng điểm số, **đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề kiểm tra**, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình GDPT.

2. Quy định về cách đánh giá kết quả học tập

Về đánh giá kết quả học tập, môn Công nghệ 9 thuộc loại môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số. Cách tính điểm học kì và năm học như sau:

– Điểm trung bình môn học kì (sau đây viết tắt là $ĐTB_{mhk}$) đối với môn học được tính như sau:

$$ĐTB_{mhk} = \frac{TĐĐG_{tx} + 2 \times ĐĐG_{gk} + 3 \times ĐĐG_{ck}}{Số ĐĐG_{tx} + 5}$$

$ĐĐG_{gk}$: Điểm đánh giá giữa kì.

$ĐĐG_{ck}$: Điểm đánh giá cuối kì.

$TĐĐG_{tx}$: Tổng điểm đánh giá thường xuyên.

– Điểm trung bình môn cả năm (viết tắt là ĐTB_{mcn}) được tính như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mcn}} = \frac{\text{ĐTB}_{\text{mhkl}} + 2 \times \text{ĐTB}_{\text{mhklII}}}{3}$$

ĐTB_{mhkl} : Điểm trung bình môn học kì I.

$\text{ĐTB}_{\text{mhklII}}$: Điểm trung bình môn học kì II.



XÂY DỰNG ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

1. Về ma trận và đặc tả đề kiểm tra định kì

Bản đặc tả đề kiểm tra là một bản mô tả chi tiết, có vai trò như một hướng dẫn để viết một đề kiểm tra hoàn chỉnh. Bản đặc tả đề kiểm tra cung cấp thông tin về cấu trúc đề kiểm tra, hình thức câu hỏi, số lượng câu hỏi ở mỗi loại, và phân bố câu hỏi trên mỗi mục tiêu đánh giá.

Ma trận đề kiểm tra là bản thiết kế đề kiểm tra chứa đựng những thông tin về cấu trúc cơ bản của đề kiểm tra như: thời lượng, số câu hỏi, dạng thức câu hỏi; lĩnh vực kiến thức, cấp độ năng lực của từng câu hỏi, thuộc tính các câu hỏi ở từng vị trí,... Ma trận đề kiểm tra cho phép tạo ra nhiều đề kiểm tra có chất lượng tương đương.

Phương pháp xây dựng bản đặc tả, ma trận đề kiểm tra và đề kiểm tra định kì được trình bày trong Tài liệu tập huấn về xây dựng đề kiểm tra, đánh giá định kì theo ma trận và đặc tả đề kiểm tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mục này giới thiệu một bản đặc tả, ma trận đề và một đề kiểm tra định kì chỉ mang tính chất tham khảo. Đề kiểm tra này là đề kiểm tra giữa kì I, môn Công nghệ 9 với giả định kế hoạch dạy học phân phối kì I dạy phần Định hướng nghề nghiệp (mỗi tuần 1 tiết).

a) Bản đặc tả đề kiểm tra giữa kì I, môn Công nghệ 9

Căn cứ vào nội dung và yêu cầu cần đạt trong chương trình môn Công nghệ 9, căn cứ vào kế hoạch dạy học môn Công nghệ 9 của tổ chuyên môn (trong trường hợp này giả định kế hoạch dạy học bố trí học kì I HS học 1 tiết/tuần nên chỉ lấy nội dung kiến thức của 3 bài đầu tiên, tương ứng với nửa đầu học kì I), căn cứ theo hướng dẫn trong Thông tư 22 và các tài liệu tập huấn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ta có thể xây dựng bản đặc tả đề kiểm tra giữa kì I, môn Công nghệ 9 như Bảng 11 (Giả định kế hoạch dạy học: học kì I dạy phần Định hướng nghề nghiệp; học kì II dạy mô đun).

Bảng 11. Bản đặc tả đề kiểm tra giữa kì I, môn Công nghệ 9

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Định hướng nghề nghiệp	1.1. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ	Nhận biết: – Trình bày được khái niệm về nghề nghiệp. – Trình bày được tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người, xã hội. – Trình bày được ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp của mỗi người. – Kể tên được các đặc điểm của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. – Kể tên được những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. Thông hiểu: – Phân tích được các đặc điểm của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. – Phân tích được những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.	5	2		
		1.2. Giáo dục kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục	Nhận biết: – Mô tả được cơ cấu hệ thống giáo dục của Việt Nam. – Nhận ra được các thời điểm có sự phân luồng trong hệ thống giáo dục. – Nhận ra được cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục. Thông hiểu: – Giải thích được các thời điểm có sự phân luồng trong hệ thống giáo dục.	3	3		

	quốc dân	– Giải thích được cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục.				
		– Giải thích được sau khi kết thúc THCS có những hướng đi nào liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.				
	1.3. Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam	Nhận biết: – Trình bày được khái niệm về thị trường lao động. – Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng tới thị trường lao động. – Trình bày được vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. – Mô tả được những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam hiện nay. Vận dụng: – Tìm kiếm được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ.	4		1	
Tổng			12	5	1	

Lưu ý:

– Công việc đầu tiên, khó khăn, nhưng quan trọng nhất là phân tích yêu cầu cần đạt của chương trình thành 4 mức độ nhận thức: nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao. Để phân tích yêu cầu cần đạt ra các mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá ở cột 4 của bản đặc tả cần tham khảo bảng tổng hợp các động từ thể hiện mức độ yêu cầu cần đạt ở tiêu mục 1.2, trang 53, Chương trình môn Công nghệ 2018. Kết quả phân tích này đôi khi còn phụ thuộc vào quan điểm riêng của người phân tích và khó xác định được kết quả chính xác tuyệt đối.

– Số câu hỏi được phân bổ vào các mức độ nhận thức tương ứng với mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá và tương ứng với số lượng các chỉ báo.

– Quy ước về số câu hỏi sẽ lập trong ma trận đề:

+ Câu hỏi tương ứng với mức độ kiến thức, kỹ năng. Chỉ ô nào có chỉ báo mới soạn câu hỏi.

+ Nếu số chỉ báo ở mức độ nhận biết và thông hiểu nhỏ hơn số câu hỏi dự tính thì một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá có thể soạn một hoặc một số câu hỏi.

+ Nếu số chỉ báo ở mức vận dụng có lượng lớn hơn 2 thì các câu hỏi ở mức vận dụng có thể đánh dấu (*), nghĩa là có thể ra một hoặc một số câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng trong số các câu hỏi có đánh dấu (*) đó.

+ Nếu có chỉ báo ở mức vận dụng cao có tính thực hành thì đánh dấu (**) và nếu sử dụng câu hỏi này thì nên chuyển sang đánh giá thường xuyên (thực hành).

b) Ma trận đề kiểm tra giữa kì I, môn Công nghệ 9

Từ Bảng 11, ta có thể xây dựng ma trận đề kiểm tra giữa kì I, môn Công nghệ 9 như sau (Bảng 12):

Bảng 12. Ma trận đề kiểm tra giữa kì I, môn Công nghệ 9

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			% tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH		Thời gian (phút)	
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	Định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ	1.1. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ	3	4,5	3	9,0					6		13,5	30
		1.2. GD kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân	3	4,5	3	9,0					6		13,5	30
		1.3. Thị trường lao động kĩ thuật,	2	3,0			1	15,0			2	1	18,0	40

	công nghệ tại Việt Nam													
Tổng		8	12,0	6	18,0	1	15,0	0	0	14	1	45	100	
Tỉ lệ (%)		40		30		30		0						
Tỉ lệ chung %)		70				30								

Ghi chú:

- Đề kiểm tra gồm hai loại câu hỏi: trắc nghiệm và tự luận.
- Số lượng câu hỏi phân bố trong các đơn vị kiến thức được xác định dựa vào mức độ yêu cầu cần đạt, số lượng chỉ báo và thời lượng dạy học thực tế của từng đơn vị kiến thức đó.
- Loại câu hỏi tùy thuộc vào mức độ nhận thức: Với mức độ nhận biết và thông hiểu nên sử dụng loại câu hỏi trắc nghiệm khách quan (loại 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng); với mức độ vận dụng và vận dụng cao nên sử dụng loại câu hỏi tự luận.
- Các câu hỏi mức độ nhận biết và thông hiểu cần được phân bố ở tất cả các đơn vị kiến thức và tương ứng với các chỉ báo.
- Tỉ lệ điểm phân bố cho các mức độ nhận thức: khoảng 40% nhận biết, 30% thông hiểu, 20% vận dụng và 10% vận dụng cao. Điểm của 1 câu trắc nghiệm ở cả 2 mức độ nhận thức đều bằng nhau nhưng thời lượng dành cho câu hỏi ở mức thông hiểu sẽ gấp hai lần thời lượng dành cho câu hỏi ở mức nhận biết.
- Số lượng câu hỏi ở mức nhận biết nằm trong khoảng 10 – 16; ở mức thông hiểu nằm trong khoảng 6 – 12; ở mức vận dụng và vận dụng cao nằm trong khoảng 1 – 3.

Về lựa chọn và tính điểm, thời gian cho các câu hỏi trắc nghiệm:

- **Chọn tổ hợp 1, đề bao gồm 28 câu trắc nghiệm:**
 - + 16 câu trắc nghiệm ở mức Nhận biết: 0,25 điểm/1 câu, thời lượng dành cho 1 câu: 0,75 phút.
 - + 12 câu trắc nghiệm ở mức Thông hiểu: 0,25 điểm/1 câu, thời lượng dành cho 1 câu: 1,5 phút.

+ 1 – 3 câu tự luận ở mức Vận dụng và Vận dụng cao. Tổng điểm các câu tự luận: 3 điểm, tổng thời lượng dành cho câu tự luận: 15 phút.

– **Chọn tổ hợp 2, đề bao gồm 20 câu trắc nghiệm:**

+ 12 câu trắc nghiệm ở mức Nhận biết: 0,35 điểm/1 câu, thời lượng dành cho 1 câu: 1,0 phút.

+ 8 câu trắc nghiệm ở mức Thông hiểu: 0,35 điểm/1 câu, thời lượng dành cho 1 câu: 2,25 phút.

+ 1 – 2 câu tự luận ở mức Vận dụng và Vận dụng cao. Tổng điểm các câu tự luận: 3 điểm, tổng thời lượng dành cho câu tự luận: 15 phút.

– **Chọn tổ hợp 3, đề bao gồm 14 câu trắc nghiệm:**

+ 8 câu trắc nghiệm ở mức Nhận biết: 0,5 điểm/1 câu, thời lượng dành cho 1 câu: 1,5 phút.

+ 6 câu trắc nghiệm ở mức Thông hiểu: 0,5 điểm/1 câu, thời lượng dành cho 1 câu: 3,0 phút.

+ 1 – 2 câu tự luận ở mức Vận dụng và Vận dụng cao. Tổng điểm các câu tự luận: 3 điểm, tổng thời lượng dành cho câu tự luận: 15 phút.

Trong ví dụ này sẽ xây dựng ma trận đề và đề kiểm tra theo tổ hợp 3 với 14 câu hỏi ở mức nhận biết và thông hiểu. Mỗi câu làm đúng sẽ được 0,5 điểm.

2. Đề kiểm tra định kì môn Công nghệ 9

Với chương trình môn học, với bản đặc tả và ma trận đề kiểm tra giữa kì I, môn Công nghệ 9 nêu trên, có thể xây dựng một đề kiểm tra giữa kì I như sau:

TRƯỜNG THCS.....

Tổ chuyên môn

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2024 – 2025

Môn: Công nghệ. Lớp: 9

Thời gian làm bài: 45 phút,
không tính thời gian phát đề

Họ và tên học sinh: Mã số học sinh:

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (7 điểm)

Câu 1. Nội dung chính của khái niệm nghề nghiệp là

A. người có nghề nghiệp là người được đào tạo đầy đủ để có năng lực và phẩm chất.

B. tập hợp các công việc trong một lĩnh vực, được xã hội công nhận, gắn bó lâu dài với mỗi người.

C. nghề nghiệp luôn có sự biến đổi về số lượng nghề và tính chất công việc của nghề.

D. nghề nghiệp luôn thay đổi do sự phát triển của khoa học, kỹ thuật và công nghệ.

Câu 2. Người lao động làm việc trong các ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ phải tuân thủ đúng quy định, quy trình kỹ thuật và an toàn lao động là vì

A. các công việc trong các ngành nghề này thường rất dễ xảy ra tai nạn lao động.

B. môi trường lao động trong các ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ rất khắc nghiệt.

C. sản phẩm lao động luôn đòi hỏi phải có độ chính xác cao, chất lượng tốt.

D. công cụ lao động là các máy móc, thiết bị tinh vi và hiện đại.

Câu 3. Hiểu biết về yêu cầu của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ sẽ giúp em

A. biết được ngành nghề nào có yêu cầu cao, ngành nghề nào có yêu cầu thấp.

B. lựa chọn và chuẩn bị để bước vào ngành nghề phù hợp với khả năng của bản thân.

C. lựa chọn được những ngành nghề có ít yêu cầu và chỉ có yêu cầu không cao.

D. tránh được những ngành nghề có nhiều yêu cầu đối với người lao động.

Câu 4. Nghề nghiệp có vai trò quan trọng đối với con người và xã hội vì

A. giúp con người có việc làm nên có cuộc sống ổn định và phát triển.

B. giúp xã hội phát triển ngày càng văn minh, hiện đại hơn.

C. giúp tạo của cải vật chất và tinh thần, góp phần phát triển con người và xã hội.

D. giúp con người có đủ cơm ăn, áo mặc và các điều kiện sống.

Câu 5. Nghề nghiệp luôn có sự biến đổi về số lượng và chất lượng nghề là do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Số lượng người trong độ tuổi lao động ngày càng tăng.
- B. Số lượng người trong độ tuổi lao động ngày càng giảm.
- C. Nhu cầu lao động của xã hội luôn thay đổi.
- D. Sự phát triển của khoa học, kỹ thuật và công nghệ.

Câu 6. Yêu cầu chung của ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ về phẩm chất chủ yếu của người lao động là

- A. khoẻ mạnh, linh hoạt, sáng tạo; không quản ngại khó khăn, gian khổ.
- B. chấp hành kỷ luật, làm việc trách nhiệm, đúng quy trình, chăm chỉ và có ý thức học tập.
- C. luôn cố gắng phấn đấu, lao động tích cực nhằm nâng cao năng suất lao động.
- D. hoà đồng, đoàn kết với mọi người trong cùng cơ quan, đơn vị.

Câu 7. Phân luồng trong nhà trường phổ thông nhằm mục đích

- A. giúp học sinh có hiểu biết về bản thân và nghề nghiệp.
- B. giúp gia đình lựa chọn cho học sinh nghề nghiệp phù hợp.
- C. góp phần điều tiết cơ cấu ngành nghề của lực lượng lao động.
- D. giúp các doanh nghiệp tuyển dụng được lao động phù hợp.

Câu 8. Cơ hội lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ ngày càng tăng là vì

- A. số lượng các cơ sở đào tạo nghề nghiệp ngày càng tăng.
- B. khoa học, kỹ thuật và công nghệ ngày càng phát triển, tác động đến sản xuất và đời sống.
- C. nhà nước có chính sách ưu tiên người lao động trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.
- D. việc làm trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ mang lại nguồn thu nhập cao và ổn định.

Câu 9. Nếu có dự định lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ thì khi học trung học phổ thông, học sinh nên học các môn học lựa chọn nào trong các môn dưới đây?

- A. Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Công nghệ, Tin học.
- B. Vật lí, Hoá học, Sinh học, Công nghệ, Tin học.
- C. Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Âm nhạc, Tin học.
- D. Vật lí, Hoá học, Sinh học, Giáo dục kinh tế và pháp luật.

Câu 10. Hệ thống giáo dục tạo cơ hội cho học sinh trong việc lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ ở thời điểm

- A. sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở.
- B. sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông.
- C. sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông.
- C. sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông và giáo dục nghề nghiệp.

Câu 11. Khi học tại cơ sở giáo dục thường xuyên, học sinh có thể

- A. học nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
- B. học nghề tại các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh.
- C. học trung cấp nghề tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- D. học trình độ cao đẳng tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Câu 12. Phân luồng trong hệ thống giáo dục nhằm

- A. tạo công ăn việc làm cho người lao động.
- B. tạo đủ nguồn cung sức lao động cho doanh nghiệp.
- C. điều tiết cơ cấu ngành nghề và giúp học sinh lựa chọn ngành nghề phù hợp.
- D. giúp nhà trường thuận lợi trong hoạt động giáo dục hướng nghiệp.

Câu 13. Trong thị trường lao động, người lao động là

- A. nguồn cung sức lao động.
- B. người có quyền đưa ra các điều kiện.
- C. người thuộc các doanh nghiệp, cơ quan.
- D. người có nhu cầu tuyển dụng lao động.

Câu 14. Trong thị trường lao động, người sử dụng lao động là

- A. nguồn cung sức lao động.
- B. người có quyền đưa ra các điều kiện.
- C. người thuộc các doanh nghiệp, cơ quan.
- D. người có nhu cầu tuyển dụng lao động.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm):

Câu 1. Kể tên những nguồn cung cấp thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ đảm bảo được tính chính xác và độ tin cậy. Hãy giải thích vì sao.

.....Hết.....

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	B	A	B	C	D	B	A
Câu	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	B	B	C	A	C	A	D

* Điểm các câu trắc nghiệm làm đúng được tính mỗi câu 0,5 điểm.

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (3 đ)	Câu 1. Những nguồn cung cấp thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ đảm bảo được tính chính xác và độ tin cậy: – Trang web chính phủ. Giải thích. – Truyền thông đại chúng. Giải thích. – Trụ sở doanh nghiệp. Giải thích. – Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Giải thích. – Các cơ sở giáo dục đại học. Giải thích. – Người thân trong gia đình. Giải thích.	 0,5 đ 0,5 đ 0,5 đ 0,5 đ 0,5 đ 0,5 đ

Lưu ý:

1. Việc xây dựng bản đặc tả, ma trận đề kiểm tra là một công việc khó, có thể còn bở ngỡ với GV. Do vậy, thời gian đầu cần có sự trao đổi hợp tác trong tổ chuyên môn hoặc theo cụm trường (nếu mỗi tổ chuyên môn chỉ có 1 GV dạy môn Công nghệ).

2. Việc xây dựng câu hỏi trắc nghiệm dùng trong kiểm tra, đánh giá cũng không dễ dàng. Nếu câu hỏi do GV biên soạn, nên kiểm nghiệm đánh giá câu hỏi bằng phương pháp chuyên gia và thực nghiệm trước khi đưa vào đề kiểm tra định kì.

– Với phương pháp chuyên gia, sau khi biên soạn câu hỏi xong cần tham khảo ý kiến GV bộ môn hoặc đồng nghiệp trong cụm trường để rà soát về diễn đạt, về sự chính xác của câu chọn,...

– Với phương pháp thực nghiệm, tốt nhất nên soạn số lượng câu hỏi nhiều hơn số câu cần sử dụng và sử dụng thử trong đánh giá thường xuyên. Sau khi chấm xong nên xem xét những câu quá khó (rất ít HS làm đúng) hoặc câu quá dễ (gần như tất cả đều làm đúng) để điều chỉnh lại. Hoặc có thể có câu nhiễu được hầu hết HS đều chọn thì cần tìm hiểu nguyên nhân, đôi khi chính câu nhiễu đó mới là câu chọn,...

Mang cuộc sống vào bài học

Đưa bài học vào cuộc sống

BỘ TÀI LIỆU TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA LỚP 9

1. Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Toán lớp 9
2. Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Ngữ văn lớp 9
3. Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Lịch sử và Địa lí lớp 9 (Phần Địa lí)
4. Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Lịch sử và Địa lí lớp 9 (Phần Lịch sử)
5. Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Khoa học tự nhiên lớp 9
6. Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Tin học lớp 9
7. Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Giáo dục công dân lớp 9
- 8. Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Công nghệ lớp 9**
9. Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Âm nhạc lớp 9
10. Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Mĩ Thuật lớp 9
11. Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Giáo dục thể chất lớp 9
12. Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Tiếng Anh lớp 9
13. Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp lớp 9